



Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 2220 220

Fax: (058) 3823 828

Website: www.khpc.com.vn



EVN CPC
PC KHANH HOA
CÔNG TY CP ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA



2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Tầm nhìn

Trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng tại Việt Nam và tỉnh Khánh Hòa, đóng vai trò chủ đạo trong nhiệm vụ đảm bảo an ninh năng lượng của tỉnh và quốc gia.

Sứ mệnh

Đáp ứng đầy đủ nhu cầu về điện của khách hàng với chất lượng và dịch vụ ngày càng tốt hơn.

Giá trị cốt lõi

Chất lượng – Tín nhiệm

Tận tâm – Trí tuệ

Hợp tác – Chia sẻ

Sáng tạo – Hiệu quả

Triết lý kinh doanh

Chất lượng sản phẩm là trọng tâm

Lợi ích khách hàng là then chốt

Đảm bảo thu nhập là trách nhiệm

Chia sẻ cộng đồng là nghĩa vụ

THÔNGIỆP HỌI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đống!

Năm 2014 khép lại với sự hân hoan, vui mừng của tập thể CBCNV Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa trong Lễ đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất, phần thưởng cao quý do Đảng và Nhà nước tặng thưởng cho Công ty về thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Trải qua chặng đường gần 40 năm phấn đấu kiên trì vì dòng điện xây dựng quê hương Khánh Hòa ngày càng giàu đẹp. Từ chỗ chưa đủ điện để cung cấp cho thành phố Nha Trang, đến nay Công ty đã xây dựng được một mạng lưới hoàn chỉnh, đủ năng lực cấp điện phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng và phát triển của toàn tỉnh Khánh Hòa.

Từ sau cổ phần hoá năm 2005 đến nay, Công ty luôn đảm bảo cấp điện an toàn và liên tục cho sự phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Nhà nước và của các cổ đống, đảm bảo cổ tức cho cổ đống, đồng thời đảm bảo thu nhập và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong công ty. Sau gần 10 năm thực hiện cổ phần hóa đến nay, Công ty đã nhanh chóng trưởng thành, có những bước phát triển vững chắc và từng bước thích nghi với cơ chế thị trường, đội ngũ cán bộ quản lý và CBCNV Công ty đã tiến bộ rõ rệt, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng đơn vị trong tình hình mới.

Trong xu thế phát triển đó, năm 2014 cũng là một năm Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao với tổng lợi nhuận trước thuế đạt 93,3 tỷ đồng, tương đương 126,1% so với kế hoạch của Đại hội đống cổ đống thường niên đề ra (74 tỷ đồng). Doanh thu tiền điện cả năm 2014 đạt 2.525,5 tỷ đồng, tăng 17,4% so với lũy kế cùng kỳ năm trước (2.146,7 tỷ đồng) và tăng 5,09% so với kế hoạch Công ty giao (2.402,9 tỷ đồng).

Năm 2015 là năm được chọn với chủ đề “Năng suất - Hiệu quả” nhằm tăng năng suất lao động và tối ưu hóa chi phí. Công ty phấn đấu tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 1.673 triệu kWh, tăng 8,14% so với năm 2014; tỷ lệ tổn thất điện năng kỹ thuật bằng hoặc thấp hơn 5,8%; thực hiện giá bán điện bình quân đạt từ 1.700 đồng/kWh trở lên.

Thay mặt Hội đống quản trị Công ty, tôi xin trân trọng cảm ơn tập thể đội ngũ CBCNV Công ty đã đồng lòng cùng Ban lãnh đạo Công ty vượt qua mọi khó khăn, gặt hái được những thành công xuất sắc cho Công ty trong suốt thời gian vừa qua. Tôi cũng xin chân thành cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ và tin tưởng của Quý Cổ đống để Ban lãnh đạo Công ty vững tin bước tiếp trên con đường chinh phục những khó khăn phía trước, nỗ lực hết mình đưa Công ty tiếp tục đạt được những thành tựu mới trong năm 2015 và những năm tiếp theo.

TM.Hội đống quản trị

Chủ tịch



Nguyễn Thanh Lâm



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các yếu tố rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai



MỤC LỤC

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Những kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS

VI. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Thông điệp HĐQT
2. Mô hình quản trị Công ty hướng tới sự bền vững
3. Chiến lược phát triển bền vững của Công ty

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2014

1. Ý kiến cơ quan kiểm toán
2. Báo cáo tài chính và Thuyết minh Báo cáo tài chính

I. THÔNG TIN CHUNG





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Tên tiếng Anh : Khanh Hoa Power Joint Stock Company

Tên viết tắt : KHPC

Vốn điều lệ : 415.512.960.000 đồng

Trụ sở chính : 11 Lý Thánh Tôn - TP Nha Trang - Khánh Hòa

Điện thoại : (84 - 582) 220 220

Fax : (84 - 583) 823 828

Website : <http://www.khpc.com.vn>

Mã cổ phiếu : KHP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 4200601069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 30/06/2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 03/06/2014.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

• Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa tiền thân là Sở quản lý và phân phối điện Phú Khánh được thành lập theo Quyết định số 3799/QĐ/TCCB ngày 14/04/1976

1981

• Đổi tên thành Sở Điện lực Phú Khánh trực thuộc Công ty Điện lực 3 - Bộ Năng lượng.

1989

• Đổi tên thành Sở điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 – Bộ năng lượng

1996

• Đổi tên thành Điện lực Khánh Hòa trực thuộc Công ty Điện lực 3 – Tổng công ty Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 261/ĐVN/TCCB-LĐ của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

2004

• Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức được thành lập theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN

2005

• CTCP Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ là 163.221.000.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51% theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3703000162 do Sở KH-ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30/6/2005. Đến ngày 12/7/2005, Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu theo Quyết định số 06/QĐ-TTGDCKHN

2006

• Cổ phiếu KHP của Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm GDCK TP HCM

2006 - 2014

• Công ty đã tiếp tục phát hành và niêm yết bổ sung cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán TP HCM. Số vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 415.512.960.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51,53% vốn điều lệ Công ty – tương đương 214.114.270.000 đồng

Các thành tích nổi bật đã đạt được

- ✦ Huân chương Độc lập hạng Nhất (2014), hạng Nhì (2009), hạng Ba (2000) - phần thưởng cao quý do Đảng và Nhà nước tặng thưởng cho Công ty về thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- ✦ Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba về thành tích xuất sắc trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- ✦ Danh hiệu Anh hùng Lao động do Chủ tịch nước trao tặng cho tập thể CBCNV Công ty vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ đổi mới 1989 – 1999.
- ✦ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 2183/QĐ-TTg ngày 06/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ.
- ✦ Bằng khen của Bộ Công thương theo quyết định số 183/QĐ-BCT ngày 11/01/2013.
- ✦ Bằng khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo quyết định số 203/QĐ-EVN ngày 14/03/2012.
- ✦ 03 lần liên tiếp được vinh danh “Thương hiệu chứng khoán uy tín”
- ✦ 04 lần được trao tặng Cúp vàng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển

Một số sự kiện tiêu biểu trong năm 2014

- ✦ Năm 2014 Công ty đã hoàn thành hồ sơ, bảo vệ thành công và đã được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất, hoàn thành mục tiêu nâng cao thành tích của đơn vị.
- ✦ Chủ tịch HĐQT Công ty đã được trao danh hiệu “Doanh nhân văn hóa Phù Đổng Thiên Vương – Doanh nghiệp văn hóa vì cộng đồng năm 2014” cho thành tích xuất sắc trong công tác lãnh đạo, điều hành Công ty.
- ✦ Công ty đạt giải thưởng top 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam trong Bảng xếp hạng V1000 dựa trên kết quả điều tra xử lý dữ liệu độc lập của Vietnam Report, Báo VietnamNet, Tổng Cục Thuế - Tạp chí Thuế cùng các chuyên gia tư vấn độc lập trong nước và quốc tế.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

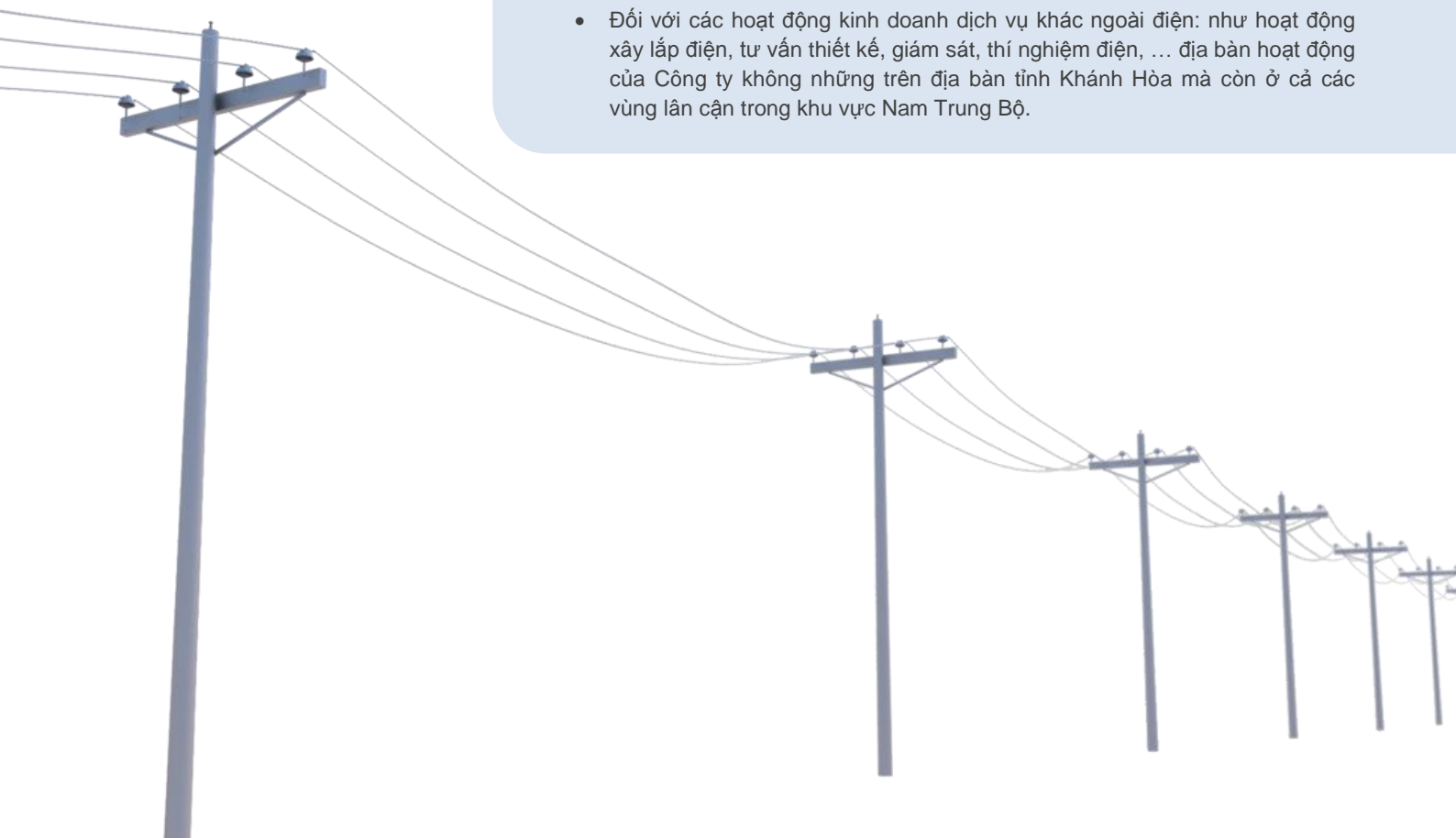


Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh điện năng. Quản lý vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110kV.
- Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, nhà máy phát điện diesel. Xây lắp các công trình điện, lưới và trạm điện có cấp điện áp đến 110kV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng.
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện dưới 110kV cấp 2, nhà máy điện cấp 4; Giám sát thi công xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110kV; Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110kV và các công trình viễn thông; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư công trình điện đến cấp điện áp 110kV.
- Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110kV. Kiểm định công tơ điện. Kiểm định máy móc thiết bị điện khác.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện.
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí (trừ máy móc thiết bị)

Địa bàn kinh doanh

- Đối với lĩnh vực kinh doanh điện năng: Công ty thực hiện nhiệm vụ cung cấp điện phục vụ nhu cầu cho tất cả các khách hàng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
- Đối với các hoạt động kinh doanh dịch vụ khác ngoài điện: như hoạt động xây lắp điện, tư vấn thiết kế, giám sát, thí nghiệm điện, ... địa bàn hoạt động của Công ty không những trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa mà còn ở cả các vùng lân cận trong khu vực Nam Trung Bộ.



Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan.

- o **Đại hội đồng cổ đông:** bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- o **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- o **Ban Tổng giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- o **Ban kiểm soát:** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty.

Cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng Giám đốc, 12 phòng ban chức năng, 08 điện lực, 03 Xí nghiệp và 01 Trung tâm Tư vấn xây dựng Điện.

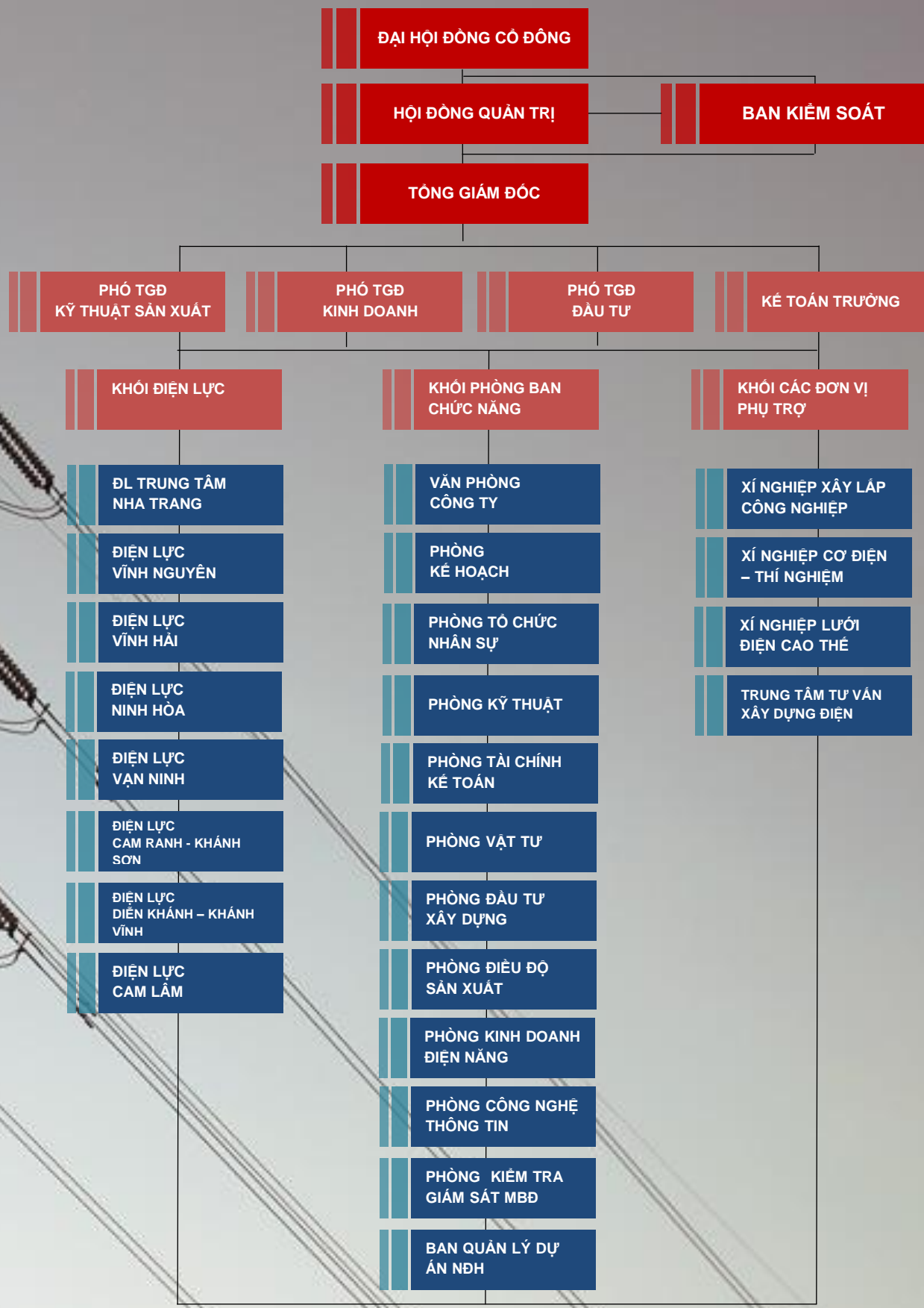
Các công ty con, công ty liên kết

- Công ty con

Tên công ty con	: Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chò
Địa chỉ	: Số 12 Yersin, P.Vạn Thành, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Vốn điều lệ thực góp	: 13.730.000.000 đồng
Vốn KHP góp	: 9.787.630.000 đồng
Tỷ lệ cam kết góp vốn	: 56,88%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất và kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; Kinh doanh vật tư, thiết bị điện

- Công ty liên kết

Tên công ty liên kết	: Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa
Địa chỉ	: Tầng 5 tòa nhà VCN đường A1, KĐT Vĩnh Diễm Trung, Nha Trang, Khánh Hòa
Điện thoại	: 058 382 7929 – 058 625 6699
Website	: Http://kpceco.com.vn
Email	: ctybtlt.dlkh@gmail.com
Vốn điều lệ thực góp	: 15.000.000.000 đồng
Vốn KHP góp	: 4.650.000.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn	: 31%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp, vật liệu xây dựng, sản phẩm cơ khí, vận tải hàng hóa đường bộ, xây lắp công nghiệp



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TGĐ
KỸ THUẬT SẢN XUẤT

PHÓ TGĐ
KINH DOANH

PHÓ TGĐ
ĐẦU TƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KHỐI ĐIỆN LỰC

KHỐI PHÒNG BAN
CHỨC NĂNG

KHỐI CÁC ĐƠN VỊ
PHỤ TRỢ

ĐL TRUNG TÂM
NHA TRANG

ĐIỆN LỰC
VĨNH NGUYÊN

ĐIỆN LỰC
VĨNH HẢI

ĐIỆN LỰC
NINH HÒA

ĐIỆN LỰC
VẠN NINH

ĐIỆN LỰC
CAM RANH - KHÁNH
SƠN

ĐIỆN LỰC
DIỄN KHÁNH - KHÁNH
VINH

ĐIỆN LỰC
CAM LÂM

VĂN PHÒNG
CÔNG TY

PHÒNG
KẾ HOẠCH

PHÒNG TỔ CHỨC
NHÂN SỰ

PHÒNG KỸ THUẬT

PHÒNG TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN

PHÒNG VẬT TƯ

PHÒNG ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG

PHÒNG ĐIỀU ĐỘ
SẢN XUẤT

PHÒNG KINH DOANH
ĐIỆN NĂNG

PHÒNG CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN

PHÒNG KIỂM TRA
GIÁM SÁT M&D

BAN QUẢN LÝ DỰ
ÁN N&D

XÍ NGHIỆP XÂY LẬP
CÔNG NGHIỆP

XÍ NGHIỆP CƠ ĐIỆN
- THÍ NGHIỆM

XÍ NGHIỆP LƯỚI
ĐIỆN CAO THẾ

TRUNG TÂM TƯ VẤN
XÂY DỰNG ĐIỆN

Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Mục tiêu và nhiệm vụ quan trọng nhất của Công ty là hướng đến việc cung cấp điện đầy đủ cho nhu cầu khách hàng sử dụng điện trên địa bàn Công ty quản lý. Tăng cường công tác phát triển khách hàng, cải tạo và phát triển lưới điện, phấn đấu giảm tổn thất điện năng, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ khách hàng sử dụng điện nhằm tăng cao doanh thu và lợi nhuận cho Công ty một cách bền vững.
- Mở rộng liên doanh, tăng cường hợp tác đầu tư chiến lược vào các ngành nghề mới như sản xuất thiết bị điện, đầu tư xây dựng thủy điện nhỏ.
- Hoàn thành mọi nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao hàng năm, đặt mục tiêu tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu cao hơn mức trung bình ngành. Trên cơ sở đó, giải quyết hài hòa lợi ích của cổ đông, lợi ích của khách hàng và lợi ích của người lao động, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Tất cả các mục tiêu đều nhằm hướng đến xây dựng Công ty trở thành **nhà phân phối hàng đầu trong lĩnh vực phân phối và kinh doanh điện năng tại Việt Nam** với 3 lĩnh vực hoạt động chính: kinh doanh điện năng, xây lắp công nghiệp và các dịch vụ về điện. Trong đó, kinh doanh điện năng vẫn đóng vai trò chủ đạo, xây lắp và các dịch vụ về điện chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội, cộng đồng của Công ty

- Lập đề án bảo vệ môi trường, xây dựng các kho chứa chất thải nguy hại, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động.
- Thực hiện trách nhiệm xã hội của Công ty bằng cách tham gia nhiều hoạt động xã hội, từ thiện tại địa phương và trong cả nước; xây dựng hình ảnh Công ty thân thiện, vì cộng đồng, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.
- Tiếp tục xây dựng Văn hóa Công ty gắn liền với việc xây dựng Văn hóa của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Tập trung xây dựng Văn hóa Công ty thông qua những giá trị cốt lõi, những chuẩn mực đạo đức và những cam kết về Văn hóa Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đảm bảo đủ điện cho nhu cầu phát triển KT-XH; đảm bảo an ninh quốc phòng và tiêu dùng của nhân dân trong Tỉnh; bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; đảm bảo cổ tức cho cổ đông; xây dựng Công ty phát triển bền vững và trở thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực phân phối điện của EVN.
- Ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến vào tất cả các khâu của quá trình kinh doanh để nâng cao năng suất lao động.
- Đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa lưới điện nhằm giảm tỷ lệ tổn thất điện năng, bảo đảm độ tin cậy cung cấp điện, bảo đảm chỉ số tiếp cận điện năng theo quy định.
- Tiếp cận các nguồn vay tín dụng ưu đãi để bảo đảm nguồn lực tài chính thực hiện và hoàn thành các mục tiêu đầu tư phát triển đề ra hàng năm, mục tiêu xây dựng lưới điện thông minh và những mục tiêu kinh doanh khác.
- Tiếp tục đầu tư, tăng tỷ trọng doanh thu từ các hoạt động liên quan trong ngành điện như xây lắp, tư vấn thiết kế điện, dịch vụ lắp đặt đường dây sau công tơ, cho thuê máy biến áp,... để tận dụng lợi thế về trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong ngành của đội ngũ công nhân viên, đa dạng hóa nguồn doanh thu, nâng cao thu nhập cho người lao động và tối ưu hóa lợi ích của nhà đầu tư.
- Hoàn thiện tổ chức bộ máy hoạt động kinh doanh của Công ty, bảo đảm hiệu quả và hiệu lực điều hành; nghiên cứu và áp dụng mô hình tổ chức mới theo hướng đón đầu thị trường bán buôn và bán lẻ điện cạnh tranh; nâng cao hiệu quả hoạt động trên 6 lĩnh vực theo định hướng của EVN gồm: tổ chức bộ máy; lao động tiền lương; tài chính, vật tư, tài sản; đầu tư xây dựng; vận hành sản xuất; kinh doanh phân phối.
- Thực hiện thành công mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng theo chủ trương của Ngành; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên lành nghề, làm việc có hiệu quả và năng suất cao; giao tiếp với khách hàng thân thiện, chu đáo; xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo định hướng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản trị nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị Công ty; trong đó quan tâm sớm hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định về phân phối tiền lương, về công tác cán bộ; xây dựng kế hoạch trung và dài hạn về phát triển nguồn nhân lực.
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ của người lao động theo quy định của Nhà nước và Công ty; đảm bảo việc làm, tiền lương, thu nhập và phúc lợi của người lao động đi đôi với nâng cao chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp đến các ngành nghề kinh tế nói chung và ngành điện nói riêng. Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và phân phối điện năng, một lĩnh vực luôn gắn bó mật thiết với sự phát triển của nền kinh tế, trong điều kiện bức tranh kinh tế ngày càng khởi sắc, các hoạt động công nghiệp hóa, hiện đại hóa, dịch vụ du lịch ngày càng được đẩy mạnh sẽ là nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Công ty.

Kinh tế Việt Nam trong năm 2014 được đánh giá khá khả quan với nhiều tín hiệu phục hồi rõ nét. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô thể hiện đà tăng trưởng được duy trì vững chắc với mức tăng GDP đạt 5,98%. Tuy vậy, sự phục hồi diễn ra không đồng đều, nhu cầu tiêu thụ trong nước còn thấp, tăng trưởng kinh tế có sự đóng góp nhiều từ khối doanh nghiệp FDI. Đây là rủi ro tiềm ẩn đối với toàn bộ nền kinh tế, không đảm bảo một sự phục hồi và tăng trưởng bền vững. Do đó, các doanh nghiệp trong nước nói chung và CTCP Điện lực Khánh Hòa nói riêng vẫn còn gặp không ít khó khăn, thách thức.





Rủi ro đặc thù ngành

Là một doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn khu vực Miền Trung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa luôn đối mặt với những rủi ro thiên nhiên đặc trưng của khu vực địa lý này như bão lớn, lũ lụt. Trong trường hợp xảy ra bão lũ, mưa lớn có thể gây ảnh hưởng, thiệt hại cho hệ thống lưới điện của Công ty.

Để hạn chế những rủi ro này, Công ty đã lập phương án phòng chống bão lụt hàng năm, tổ chức kiểm tra các điểm xung yếu trước mùa mưa bão để kịp thời sửa chữa.

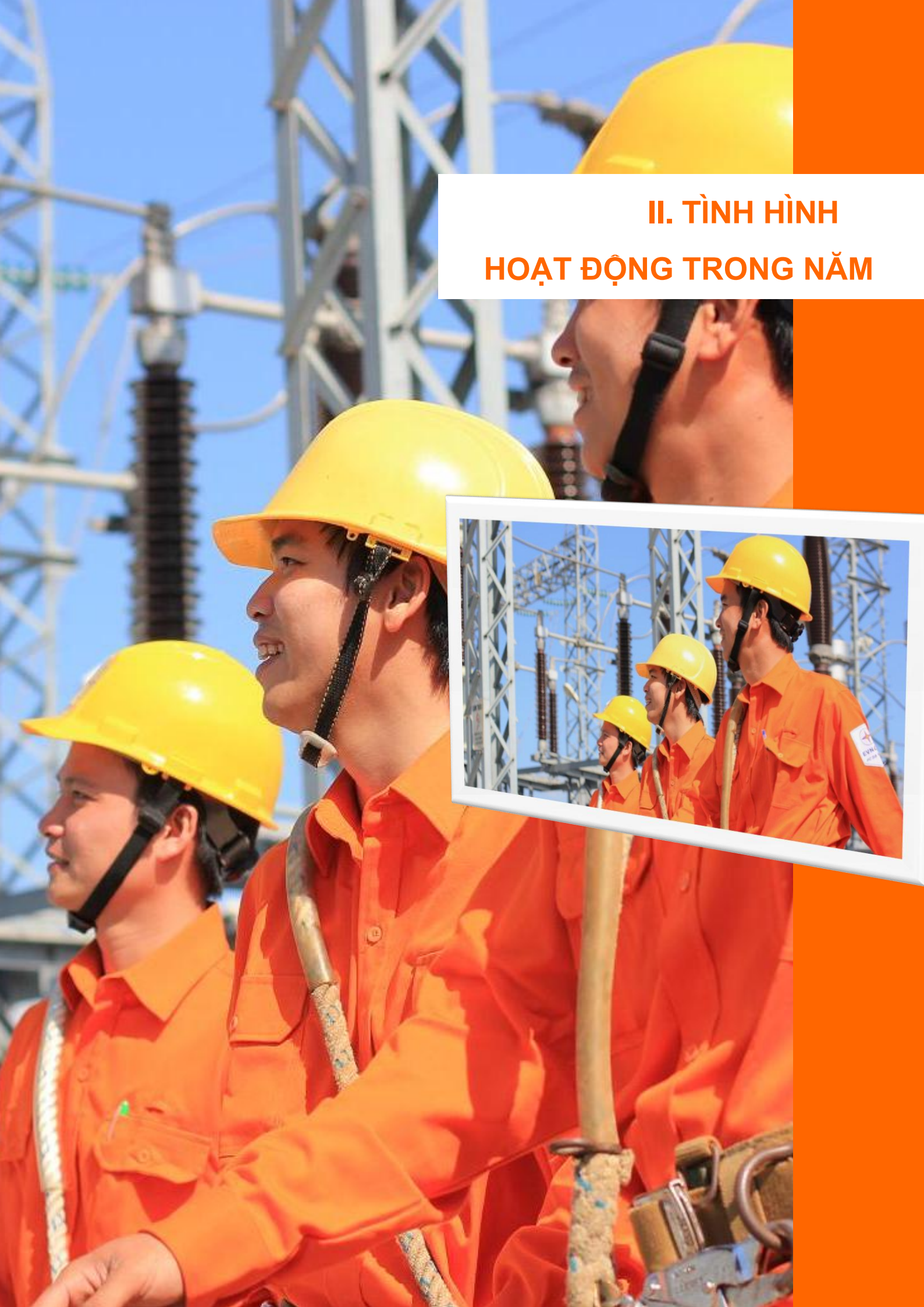
Rủi ro pháp luật

Là một doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Tp.HCM, Công ty chịu sự chi phối của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật khác. Khung pháp lý Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện, sửa đổi để phù hợp hơn với thực tế hoạt động của các doanh nghiệp trong xu hướng phát triển mới. Do vậy, những thay đổi của hệ thống các văn bản pháp quy, các chế tài, luật định... sẽ có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, Công ty nói riêng.

Rủi ro khác

Các rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn, ... là những mối đe dọa bất khả kháng. Nếu những rủi ro này xảy ra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng sẽ không tránh khỏi những thiệt hại về con người, cơ sở vật chất và thiết bị, tài sản nói chung.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2014 nền kinh tế cả nước nói chung, hoạt động kinh tế của tỉnh Khánh Hòa nói riêng đã dần ổn định, lạm phát đã được kiểm soát, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của địa phương năm 2014 tăng 8,55% so với năm trước. Thực hiện chủ trương “Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng” của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN) và chỉ đạo của Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung (EVNCPC) hoạt động kinh doanh của Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực về hiệu quả và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng dùng điện.

Trong bối cảnh chung này, hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được những kết quả sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2013	KH 2014	TH 2014	TH so với KH	2014 so với 2013
I. Kinh doanh điện						
1. Điện mua & phát	Tr.kWh	1.427,9	1.523,1	1.643,048	107,9%	15,1%
2. Tỷ lệ tổn thất điện năng	%	5,93 %	5,90 %	5,80 %	-0,10%	-0,13%
3. Điện thương phẩm	Tr.kWh	1.342,8	1.430	1.547,060	108,2%	115,2%
4. Giá bán điện bình quân	đ/kWh	1.598,8	1.624	1.625,92	100,1%	101,7%
5. Doanh thu kinh doanh điện	Tỷ đồng	2.151,3	2.402,9	2.525,5	105,09%	117,4%
II. LNTT Công ty mẹ	Tỷ đồng	97,5	74	93,287	126,06%	95,67%
III. LNST Công ty mẹ	Tỷ đồng	71,9	56,9	69,061	121,20%	95,87%

So với chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm 2014, hầu hết các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh chính như điện thương phẩm, doanh thu từ hoạt động SXKD điện, tổng mức lợi nhuận sau thuế đều vượt mức kế hoạch đề ra. Cụ thể:

Đối với chỉ tiêu điện thương phẩm

Sản lượng điện thương phẩm năm 2014 tăng 15,1% so với năm 2013 chủ yếu do hoạt động của nhà máy đóng tàu Hyundai Vinashin tăng mạnh trở lại (tăng 125,4% so với năm 2013), một số phụ tải có sản lượng tiêu thụ điện lớn được đưa vào triển khai như dự án hầm đường bộ Đèo Cả, dự án Tòa nhà Mường Thanh, dự án siêu thị Big C Nha Trang..

Đối với chỉ tiêu tổn thất điện năng

Tỷ lệ tổn thất điện năng năm 2014 (5,8%) giảm 0,1% về giá trị tuyệt đối so với kế hoạch và giảm 0,13% so với năm 2013 (5,93%) là nhờ sự quyết liệt trong chỉ đạo điều hành của Ban lãnh đạo Công ty cũng như sự tuân thủ nghiêm khắc kỷ luật lao động của mỗi CBCNV trên các lĩnh vực quản lý kỹ thuật, quản lý kinh doanh. Các giải pháp và biện pháp định kỳ cũng như đột xuất nhằm kiểm soát chặt chẽ và giảm tổn thất điện năng đã được các đơn vị trong Công ty triển khai đồng bộ và hiệu quả, bao gồm: Công tác quản lý vận hành, Công tác kiểm soát điện áp đầu nguồn, Công tác đầu tư và xây dựng và sửa chữa lớn lưới điện, Công tác bù công suất phản kháng, Công tác thay công tơ định kỳ, Công tác kiểm tra sử dụng điện, Công tác quản lý hệ thống đo đếm, Hiệu quả của việc áp dụng, triển khai công nghệ mới..

Đối với chỉ tiêu giá bán điện bình quân, doanh thu kinh doanh điện

Để đạt được kết quả giá bán điện bình quân năm 2014 là 1.625,92 đồng/kWh, tăng 1,92 đồng/kWh so với năm 2013, tổng doanh thu tiền điện đạt 2.525,5 tỷ đồng, tăng 17,4% so với năm 2013, Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện các giải pháp như kiện toàn bộ máy, cơ cấu tổ chức nhằm ổn định công tác kinh doanh điện năng; quan tâm đến chất lượng nhân sự công tác quản lý khách hàng và kiểm tra sử dụng điện; nhân viên quản lý khách hàng được đào tạo, nắm vững quy trình kinh doanh, đặc biệt là nắm rõ việc thực hiện áp giá bán điện cho các đối tượng sử dụng điện; các Điện lực đã chú trọng thực hiện cắt điện tại những thời điểm, khu vực hợp lý nhằm hạn chế ảnh hưởng đến giá bán của toàn đơn vị.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Nguyễn Cao Kỳ	Tổng giám đốc	29.438	0.07 %
2	Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật	5.918	0.01 %
3	Trần Đăng Hiền	Phó Tổng giám đốc phụ trách đầu tư xây dựng	120.018	0.29 %
4	Nguyễn Kim Hoàng	Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh	26.342	0.06 %
5	Trần Thị Triều Linh	Kế toán trưởng	13.064	0.03 %

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành



Ông Nguyễn Cao Kỳ - Tổng Giám đốc

Năm sinh 1966

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ ngành hệ thống điện

Quá trình công tác

03/1990 - 06/1990 Cán bộ kỹ thuật sở điện lực Khánh Hòa
 06/1990 - 09/1992 Cán bộ kỹ thuật Sở Truyền tải điện 2
 09/1992 - 01/1994 Cán bộ kỹ thuật Sở ĐL Khánh Hòa
 01/1994 - 11/1995 Điều độ viên Công ty Điện lực 3
 11/1995 - 11/1998 Cán bộ kiểm tra sử dụng điện Điện lực Khánh Hòa
 02/1998 - 12/2000 Trưởng ban Quản lý điện nông thôn ĐLKH
 01/2001 - 06/2005 Trưởng chi nhánh điện Vĩnh Hải - ĐLKH
 07/2005 - 12/2006 Trưởng chi nhánh điện Vĩnh Hải - CTCP ĐLKH
 01/2007 - 05/2007 Trưởng phòng kỹ thuật CTCP ĐLKH
 06/2007 - 03/2009 Phó Tổng Giám đốc Công ty
 04/2009 - 03/2012 Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc TT. Viễn thông Điện lực
 04/2012 - 05/2014 Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật - sản xuất
 06/2014 đến nay Tổng Giám đốc Công ty

Số cổ phiếu nắm giữ 29.438 cổ phần


Ông Đỗ Thanh Sơn - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1964
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ
Quá trình công tác	
6/1986 – 3/1990	Cán bộ kỹ thuật, Xí nghiệp liên hợp Dược Khánh Hòa
3/1990 – 10/2009	Cán bộ kỹ thuật, Phó Chi nhánh Điện Ninh Hòa, Phó Giám đốc Điện lực Ninh Hòa thuộc Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
10/2009 – 2/2013	Giám đốc Điện lực Cam Lâm thuộc Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
3/2013 – 6/2014	Trưởng phòng Kỹ thuật – An toàn Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
7/2014 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa
Số cổ phiếu nắm giữ	5.918 cổ phần


Ông Trần Đăng Hiền - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1964
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA) - Kỹ sư điện
Quá trình công tác	
09/1982 - 05/1992	Cán bộ trưởng chỉ huy kỹ thuật không quan Nha Trang
06/1992 - 09/1994	Cán bộ phòng tổ chức HC Điện lực Ninh Thuận - Phan Rang
09/1994 - 06/1995	Phó phòng tổ chức Hành chính Điện lực Ninh Thuận - PC2
07/1995 - 08/1996	Phó phụ trách ban Thanh tra Bảo vệ Điện lực Khánh Hòa
09/1996 - 06/2000	Cán bộ phòng Hành chính Điện lực Khánh Hòa
07/2000 - 09/2001	Phó phòng Hành chính Điện lực Khánh Hòa
10/2001 - 06/2005	Trưởng phòng Tổ chức Điện lực Khánh Hòa
07/2005 - 03/2007	Trưởng phòng Tổ chức CTCP Điện lực Khánh Hòa
04/2007 - 03/2009	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc TT. Viễn thông Điện lực
04/2009 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư
Số cổ phiếu nắm giữ	120.018 cổ phần



Ông Nguyễn Kim Hoàng - Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh

Năm sinh 1960

Trình độ chuyên môn Kỹ sư hệ thống điện

Quá trình công tác

1984 - 1989 Điều độ viên Sở Điện lực Phú Khánh
 1990 - 1993 Trưởng phòng kinh doanh Sở Điện lực Phú Yên
 1994 - 1995 Điều độ viên A31 của TT Điều độ Hệ thống điện miền Trung
 1996 - 1997 Cán bộ phòng Kinh doanh Điện lực Khánh Hòa
 1998 - 1999 Phó phòng Kinh doanh Điện lực Khánh Hòa
 2000 - 06/2005 Trưởng phòng Kinh doanh Điện lực Khánh Hòa
 07/2005 - 03/2009 Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Điện lực Khánh Hòa
 04/2009 - 08/2009 Giám đốc Điện lực Cam Lâm
 09/2009 đến nay Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng kinh doanh

Số cổ phiếu nắm giữ 26.342 cổ phần



Bà Trần Thị Triều Linh - Kế toán trưởng Công ty

Năm sinh 1967

Trình độ chuyên môn Cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác

1987 - 10/2005 Công tác tại phòng Kế toán Điện lực Khánh Hòa
 10/2005 - 08/2009 Phó phòng Tài chính kế toán CTCP Điện lực Khánh Hòa
 09/2009 đến nay Kế toán trưởng CTCP Điện lực Khánh Hòa

Số cổ phiếu nắm giữ 13.064 cổ phần

Những thay đổi trong Ban điều hành

- + Kể từ ngày 01/06/2014, Ông Nguyễn Thanh Lâm thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc để đảm nhận chức vụ Chủ tịch HĐQT chuyên trách theo Nghị quyết HĐQT số 287/NQ-ĐLKH.
- + Kể từ ngày 01/06/2014, Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm ông Nguyễn Cao Kỳ - Phó TGD Công ty giữ chức vụ Tổng giám đốc theo Nghị quyết số 288/NQ-ĐLKH.
- + Ngày 01/07/2014, Ông Đỗ Thanh Sơn- Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty theo Nghị quyết HĐQT số 306/NQ-ĐLKH.



Tình hình nhân sự và một số chính sách đối với người lao động

STT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	1.171	
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	473	40%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	380	32%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	316	27%
4	Lao động phổ thông	2	17%
II	Theo đối tượng lao động	1.171	
1	Lao động trực tiếp	1051	90%
2	Lao động gián tiếp	120	10%
III	Theo giới tính	1171	
1	Nam	1008	86%
2	Nữ	163	14%
Tổng cộng		1.171	100%

Tính đến ngày 31/12/2014, toàn Công ty có 1.171 lao động, thu nhập bình quân đạt 11,8 triệu đồng/người/tháng. Trong năm 2014, Công ty đã áp dụng một số chính sách đối với người lao động như sau:

Chính sách đào tạo

Năm 2014, Công ty đã cử 662 lượt cán bộ, công nhân viên tham gia các lớp đào tạo; đã tổ chức bồi dưỡng nghề, thi nâng bậc cho 187 công nhân của 16 ngành nghề; tổ chức kiểm tra định kỳ điều độ viên năm 2014. Công ty cũng đã tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành kỹ thuật điện cho 58 đối tượng là cán bộ kỹ thuật, nhân viên, công nhân đã tốt nghiệp Đại học kỹ thuật tại các đơn vị trực thuộc; cử cán bộ, công nhân viên tham gia các khóa đào tạo do EVNCPC và các đơn vị ngoài tổ chức; tổ chức bồi huấn, kiểm tra đối với 8 điều độ viên; tổ chức thi và công nhận chức danh điều độ viên LĐPP đối với 4 nhân viên Phòng Điều độ.

Chính sách y tế

Tổ chức cho cán bộ, công nhân viên sắp nghỉ hưu tham quan du lịch Indonesia. Tổ chức nghỉ dưỡng phục hồi chức năng lao động cho 64 người thuộc diện sức khỏe loại 4, loại 5 và lao động độc hại nặng nhọc.

Chính sách đối thoại

Ban điều hành phối hợp cùng Ban chấp hành Công đoàn ban hành Quy chế thực hiện dân chủ và Quy chế đối thoại định kỳ trong Công ty; năm 2014 là năm đầu tiên Công ty tổ chức đối thoại hàng quý giữa người sử dụng lao động và đại diện người lao động trong công ty.

Chính sách khác

Ngoài các chế độ chính sách do Nhà nước quy định, Công ty đã luôn chú ý quan tâm bảo đảm việc làm và mọi chế độ, chính sách đối với người lao động; tiền lương, thu nhập và phúc lợi của người lao động năm sau đều cao hơn năm trước; cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm ATLĐ-VSLĐ, nâng cao phúc lợi của người lao động với nhiều chính sách có lợi hơn so với quy định của pháp luật về lao động như: (i) người lao động được nghỉ làm việc 3 tháng trước thời điểm chính thức nghỉ hưu theo chế độ và được hưởng nguyên lương, thưởng; (ii) Được hưởng phần chênh lệch giữa tiền lương khi còn làm việc và trợ cấp hưu trí trong 3 tháng sau khi đã chính thức nghỉ hưu; (iii) Được Công ty cho đi tham quan du lịch nước ngoài trước khi nghỉ hưu; (iv) Được phân bổ từ quỹ phúc lợi của Công ty cho các đơn vị trực thuộc để tổ chức tham quan du lịch cho người lao động trong đơn vị mình hàng năm...

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tình hình đầu tư xây dựng

Các công trình hoàn thiện, chống quá tải lưới điện phân phối

Trong năm 2014, toàn Công ty thực hiện 378 hạng mục công trình hoàn thiện, chống quá tải lưới điện phân phối với tổng giá trị thực hiện 58,416 tỷ đồng/tổng mức đầu tư dự toán được phê duyệt là 82,388 tỷ đồng.

Tiểu dự án Cải tạo lưới điện phân phối Ninh Hòa, Khánh Hòa thuộc dự án DEP vay vốn của Ngân hàng Thế giới (WB)

Dự án cải tạo lưới điện phân phối Ninh Hòa được thực hiện nhằm xây dựng mới và cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và các TBA để cấp điện cho các khu vực vùng lõm, vùng trắng điện trên địa bàn thị xã Ninh Hòa. Dự án do Ban quản lý dự án lưới điện - EVNCPC làm chủ đầu tư, sau khi thực hiện xong sẽ bàn giao và chuyển nhượng lại cho Công ty với tổng mức đầu tư dự toán sau thuế là 113,598 tỷ đồng. Dự án được khởi công vào ngày 23/11/2014 và dự kiến hoàn thành vào tháng 6 năm 2015.

Các công trình trọng điểm

Các dự án đã thực hiện hoàn thành trong năm 2014:

- ✓ Các dự án đầu tư trên lưới điện 110kV: dự án chống quá tải các TBA 110kV E24, E27, E28; dự án lắp bổ sung 8 bộ chống sét van 110kV: tổng giá trị thực hiện các dự án là 25,2 tỷ đồng
- ✓ Các dự án đầu tư trên lưới điện ≤ 35 kV : Dự án Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các TBA phân phối tỉnh Khánh Hòa năm 2014; dự án Cải tạo nhánh rẽ liên lạc XT 478-472-E27; dự án Lắp đặt thiết bị đóng cắt trên lưới trung áp tỉnh Khánh Hòa năm 2014; dự án Thay dây dẫn tuyến 475: tổng giá trị thực hiện các dự án là 25,2 tỷ đồng.

Các dự án chuyển tiếp sang năm 2015:

Dự án Xây dựng mới 2 ngăn xuất tuyến 110kV tại E Diên Khánh; Xây dựng mạch vòng 22kV giữa các TBA 110kV: E24-E27-E31; EBD-E28; EBT -E27; Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện; Lắp MC hợp bộ 22kV TBA 110kV Đồng Đế; Hoàn thiện sơ đồ vận hành TBA 110kV Vạn Giã: tổng mức đầu tư dự toán các dự án là 54,1 tỷ đồng.



Các công trình Nhà Điều hành sản xuất của các Điện lực và Công ty

Trong năm 2014, Công ty đã xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình Nhà điều hành sản xuất Điện lực Cam Ranh - Khánh Sơn, Điện lực Ninh Hòa, Điện lực Vạn Ninh với tổng giá trị thực hiện ĐTXD các công trình là 10,9 tỷ đồng;

Trong năm, Công ty cũng đã triển khai công trình Trung tâm điều hành Điện lực và kinh doanh 11 Lý Thánh tôn Nha Trang có quy mô xây dựng cao 13 tầng và 1 tầng hầm với tổng diện tích sàn là 15,583m²; tổng giá trị ước đã thực hiện trong năm 2014 là 18,75 tỷ đồng/tổng dự toán được duyệt là 185,612 tỷ đồng; dự kiến công trình sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý 1 năm 2016.

Công tác sửa chữa lớn

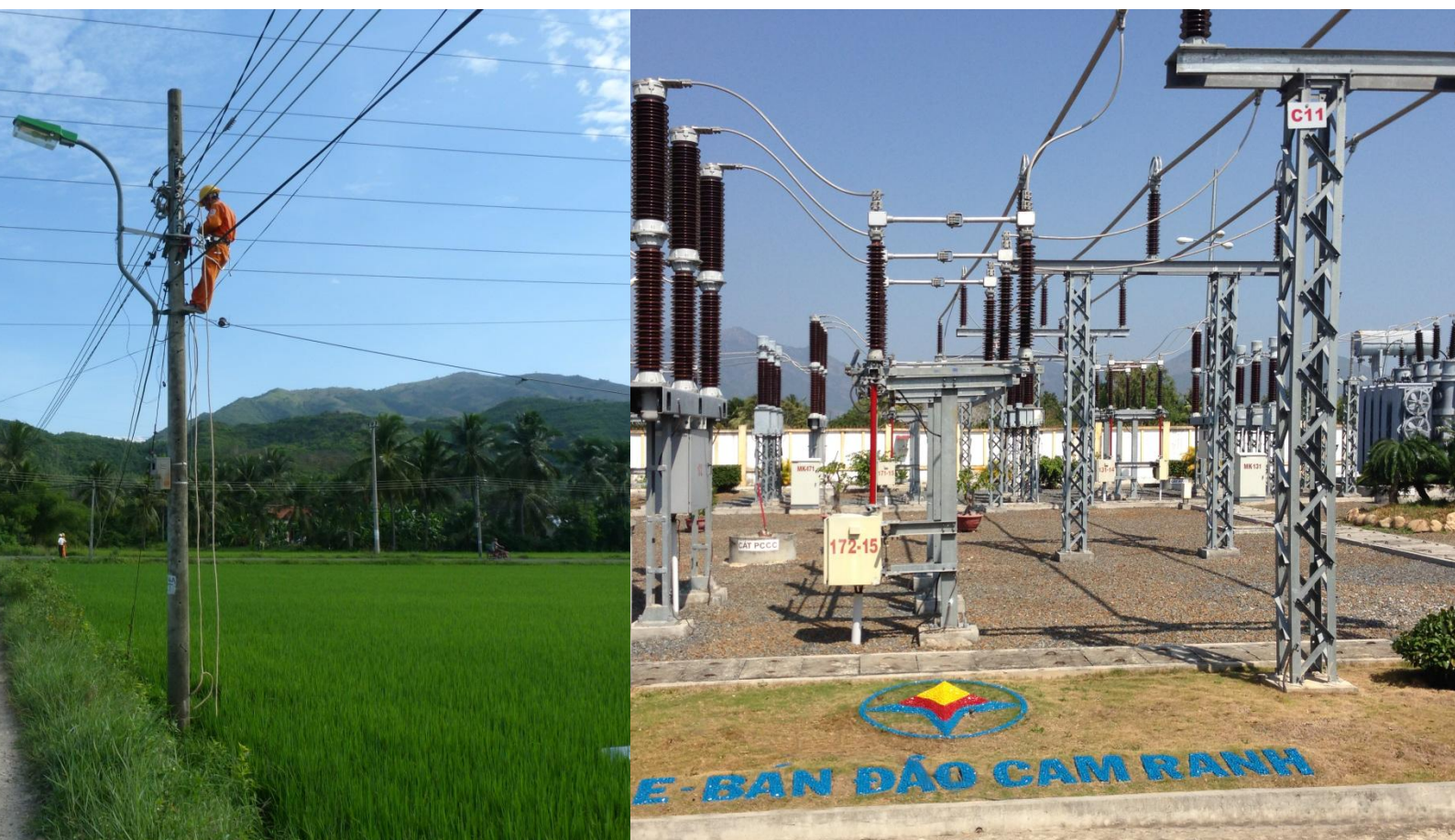
Trong năm 2014, toàn Công ty đã hoàn thành và quyết toán 175 công trình SCL tài sản cố định với tổng chi phí thực hiện là 36,982 tỷ đồng, trong đó:

- ✓ 39 công trình được chuyển vốn từ 2013 sang với giá trị thực hiện là 9,597 tỷ đồng (đã hạch toán trong năm 2013 6,7 tỷ đồng).
- ✓ 136 công trình thuộc kế hoạch năm 2014 với giá trị thực hiện là 33,153 tỷ đồng .

Có thể đánh giá, các công trình ĐTXD/SCL được triển khai trong năm đã đem lại hiệu quả tích cực, rõ nét thể hiện ở việc các chỉ số nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và tỷ lệ tổn thất điện năng của Công ty đều được cải thiện tốt hơn so với năm 2013.

Công tác đấu thầu

Trong năm 2014, Công ty đã tổ chức thực hiện 51 gói thầu (bao gồm cả các gói thầu cho các dự án đầu tư phát triển và các gói thầu sử dụng nguồn vốn SXKD). Tổng giá trị trúng thầu là 214,1 tỷ/Tổng giá trị các gói thầu được phê duyệt 237,9 tỷ đồng, tiết kiệm được cho Công ty 23,7 tỷ đồng.



Tình hình thực hiện đầu tư, thoái vốn tại các công ty liên kết

Trong năm 2014, kết quả đầu tư và thoái vốn của Công ty tại các Công ty liên kết như sau:

Tình hình góp vốn

Thực hiện nghị quyết ĐHCĐ, Công ty đã góp vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư điện lực 3 với số tiền là 3 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp tại Công ty này đến cuối năm 2014 là 9,975 tỷ đồng, chiếm 0,66% vốn điều lệ thực góp của các cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3.

Tình hình thoái vốn

Thoái vốn tại các Công ty cổ phần bất động sản Điện lực

Thực hiện chủ trương của Ngành điện trong việc thoái vốn tại lĩnh vực kinh bất động sản, trong năm 2013 và nửa đầu năm 2014, Công ty đã thực hiện các thủ tục để thoái toàn bộ phần vốn góp tại các công ty cổ phần bất động sản điện lực, kết quả như sau:

- ✓ Đối với phần vốn góp tại Công ty cổ phần BĐS Land Sài Gòn: Công ty đã thực hiện các thủ tục ủy quyền cho Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh thực hiện việc thoái vốn của Công ty tại Công ty cổ phần BĐS Land Sài Gòn thông qua hình thức bán đấu giá tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM được tổ chức vào ngày 30/5/2014. Kết quả đấu giá đã bán được toàn bộ 1.500.000 cổ phần của Công ty cổ phần BĐS Land Sài Gòn với giá 10.320 đồng/cổ phần.
- ✓ Đối với phần vốn góp tại Công ty cổ phần BĐS Điện lực Miền Trung: Công ty đã thực hiện các thủ tục ủy quyền cho Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thực hiện việc thoái vốn của Công ty thông qua hình thức bán đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội được tổ chức vào ngày 02/6/2014. Kết quả đấu giá đã bán được toàn bộ 900.000 cổ phần của Công ty cổ phần BĐS Điện lực Miền Trung với giá 10.000 đồng/cổ phần.

Thoái vốn tại Công ty cổ phần thiết bị điện Vinasino

Thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2014 về việc thoái vốn tại Công ty cổ phần thiết bị điện Vinasino, Công ty đã đàm phán và chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần Thiết bị điện Vinasino cho Tổng công ty Điện lực miền Nam với tổng số cổ phần chuyển nhượng là 577.000 cổ phần; giá chuyển nhượng là 10.993 đồng/cổ phần; Tổng giá trị chuyển nhượng thu về là 6.342.961.000 đồng.



Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty con Công ty liên kếtCác khoản đầu tư dài hạn của Công ty:

Tính đến ngày 31/12/2014, danh mục đầu tư dài hạn của Công ty như sau:

Khoản mục đầu tư	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)	
	2013	2014
Công ty cổ phần Chứng khoán Tonkin	18,750	18,750
Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	6,975	9,975
Tiền gửi tại các NHTMCP kỳ hạn trên 12 tháng	0,739	36,164

Các công ty con, công ty liên kết:**Một số chỉ tiêu tóm tắt tài chính của Công ty con**

Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chò

Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)	
	2013	2014
Doanh thu	0	0
LNST	0	0
Tài sản	13,8	13,8
Vốn điều lệ	13,8	13,8

Một số chỉ tiêu tóm tắt tình hình tài chính Công ty liên kết

Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa

Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)	
	2013	2014
Doanh thu	41,4	69,97
LNST	2,1	7,3
Tài sản	39,3	36,1
Vốn điều lệ	15	15



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	So với 2013
1	Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	1.164.959	1.310.080	12,5%
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	2.241.712	2.682.934	19,7%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Tr.đồng	91.836	103.655	12,9%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	71.890	71.072	-1,1%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,60	1,33
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,31	1,17
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Nợ/Tổng tài sản	%	53	58
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	112	137
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	25,35	26,55
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,00	2,17
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,21	2,65
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,10	3,86
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,17	12,93
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,40	5,74

Về khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán hiện thời và khả năng thanh toán nhanh lần lượt đạt 1,33 lần và 1,17 lần trong năm 2014. Hệ số này thể hiện Công ty đảm bảo duy trì khả năng thanh toán trong ngắn hạn.

Về cơ cấu vốn

Trong năm 2014, tỷ trọng nợ phải trả trên tổng tài sản đạt mức 58%, giá trị nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn và tương đương 137% so với giá trị vốn chủ sở hữu.

Về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2014 tăng thêm 1,2 vòng so với năm 2013. Đây là tín hiệu tốt cho thấy khả năng quản lý hàng tồn kho đã được cải thiện. Vòng quay tổng tài sản cũng có sự tăng nhẹ (0,17 lần) so với cùng kỳ.

Về khả năng sinh lời

Trong năm 2014, các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời từ hoạt động SXKD của Công ty có chiều hướng giảm nhưng không đáng kể so với kết quả đạt được năm trước. Giá trị ROE, ROA đạt được trong năm vẫn giữ mức cao: lần lượt là 12,93% và 5,74%.



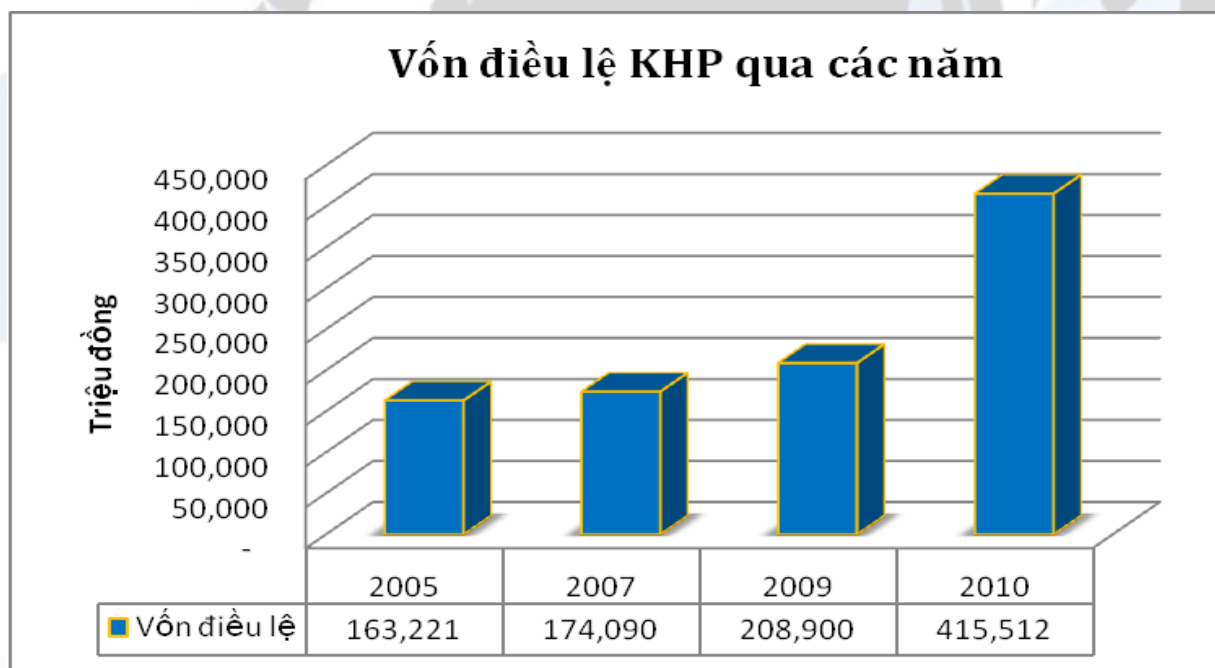


Thông tin cổ phần

Số cổ phiếu đã phát hành	: 41.551.296
Số cổ phiếu thường	: 41.551.296
Số cổ phiếu ưu đãi	: 0
Số cổ phiếu đang lưu hành	: 40.051.296
Số cổ phiếu quỹ	: 1.500.000
Mệnh giá	: 10.000

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức là CTCP đến nay, KHP đã trải qua quá trình tăng vốn như sau:



Trong các năm từ 2011 đến năm 2014 Công ty không tăng vốn điều lệ, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 415.512.960.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tính đến ngày 31/12/2014, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 1.500.000 cổ phần. Trong năm 2014, Công ty không thực hiện bất cứ một giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ nào.

Các chứng khoán khác

Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/3/2015

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn phát hành	35.262.292	84,86	6.289.004	15,14	41.551.296	100,00
Cổ đông sở hữu trên 5%	21.411.427	51,53	3.083.590	7,42	24.495.017	58,95
Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%	2.919.492	7,03	2.522.580	6,07	5.442.072	13,1
Cổ đông sở hữu dưới 1 %	10.931.373	26,31	682.834	1,64	11.614.207	27,95
Tổng cộng	35.262.292	84,86	6.289.004	15,14	41.551.296	100,00

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Cổ đông trong nước	35.262.292	84,86%
Cá nhân	12.323.743	29,66%
Tổ chức	22.938.549	55,21%
Cổ đông nước ngoài	6.298.004	15,14%
Cá nhân	590.920	1,42%
Tổ chức	5.698.084	13,72%
Tổng cộng	41.551.296	100,00

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	400101394	393 Trưng Nữ Vương – Đà Nẵng	21.411.427	51,53%
Halley Sicav-Halley Asian Prosperity	CA 6051	7A, rue Robert Stumper L-2557 Luxembourg	3.083.590	7,42%

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá chung

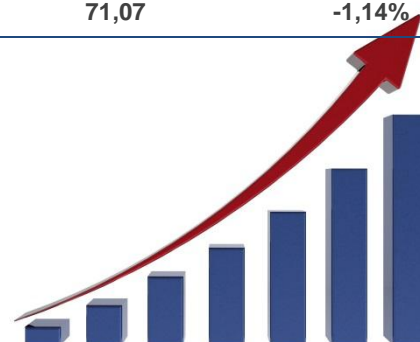
Môi trường kinh doanh năm 2014

Năm 2014 nền kinh tế cả nước nói chung, hoạt động kinh tế tỉnh Khánh Hòa nói riêng đã dần ổn định, lạm phát đã được kiểm soát, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của địa phương năm 2014 tăng 8,55% so với năm trước. Trong đó, Công nghiệp xây dựng tăng 7%, dịch vụ du lịch tăng 11,51%, nông – lâm – thủy sản tăng 1,73%, chỉ số sản xuất công nghiệp ước đạt mức tăng 7,22% so với cùng kỳ. Các hoạt động thương mại nói chung trên địa bàn phát triển khá sôi động và tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao.

Với những yếu tố vĩ mô, môi trường hoạt động chung chuyển biến theo chiều hướng tích cực như trên, kết thúc năm tài chính 2014, Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa đã đạt được những kết quả khả quan: Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 1.547 triệu Kwh, tương đương mức tăng 15,21% so với cùng kỳ; Doanh thu thuần đạt 2.683 tỷ đồng, tăng gần 20% so với kết quả đạt được năm 2013.

Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	Tăng/ Giảm
Các chỉ tiêu kết quả SXKD chính				
Điện thương phẩm	Tr.Kwh	1.342,78	1.547,06	15,21%
Tổn thất điện năng	%	5,93	5,80	-1,52%
Giá bán điện	VNĐ/Kwh	1.598,75	1.625,92	1,70%
Các chỉ tiêu kết quả hoạt động				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.277	2.736.35	20,19%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.242	2.683	19,68%
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	28,12	40,43	43,79%
Thu nhập khác	Tỷ đồng	6,90	12,98	88,08%
Tổng chi phí	Tỷ đồng	2.179,19	2.643,06	21,29%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	2,063.91	2,483.06	20.31%
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	7,12	12,35	73,49%
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	63,96	83,02	29,81%
Chi phí quản lý	Tỷ đồng	43,01	41,27	-4,03%
Chi phí khác	Tỷ đồng	1,19	23,25	1.862,18%
Lợi nhuận từ Công ty liên kết	Tỷ đồng	- 0,15	2,01	1.477,40%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	97,40	95,29	-2,17%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	71,89	71,07	-1,14%



Đánh giá cụ thể của Ban TGD về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính

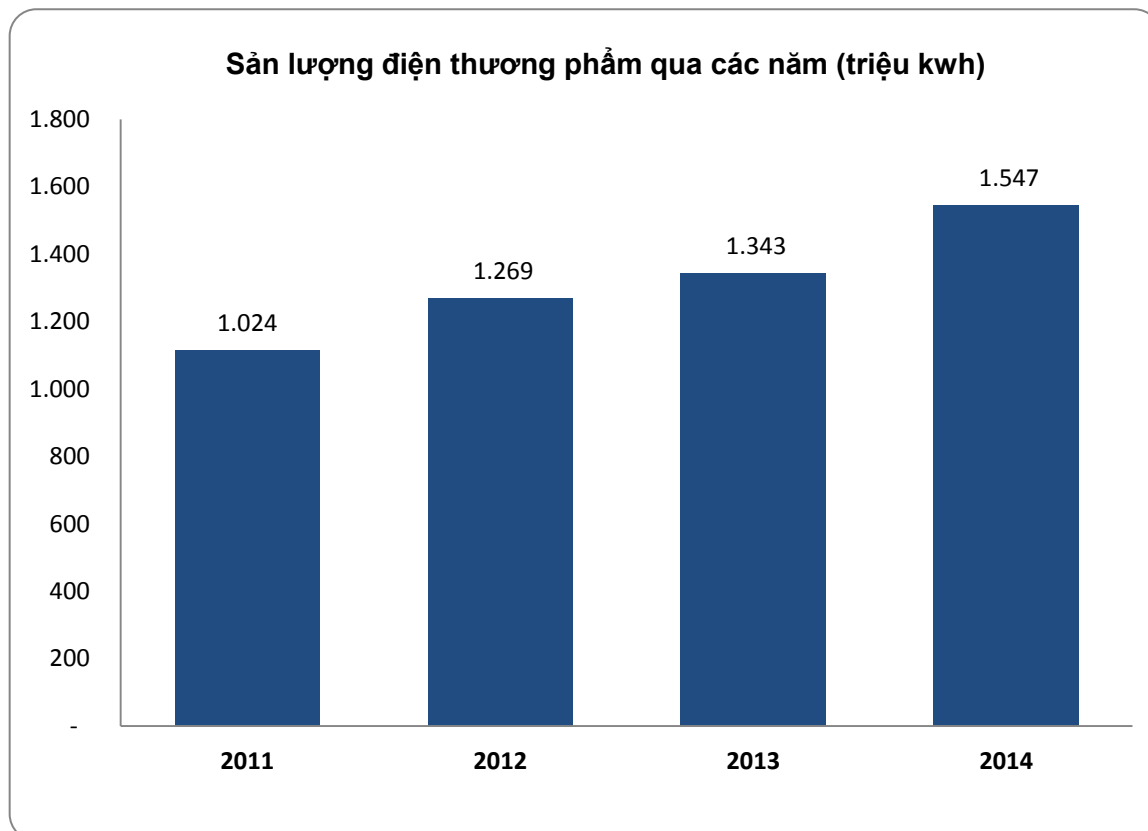
Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	% Kế hoạch
A	Kinh doanh điện				
1	Điện mua và điện phát	Tr.KWh	1.523,100	1.643,048	107,9%
2	Tỷ lệ tổn thất điện năng kỹ thuật	%	5,90%	5,80%	98,3%
3	Tỷ lệ tổn thất có tính tổn thất truyền tải hệ	%	6,12%	5,84%	95,4%
4	Điện thương phẩm	Tr.KWh	1.430,000	1.547,060	108,2%
5	Giá bán điện bình quân (**)	đ/KWh	1.642,00	1.625,92	99,0%
B	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	74,000	93,287	126.1%
C	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	56,980	69,061	121.2%

Về hoạt động kinh doanh phân phối điện

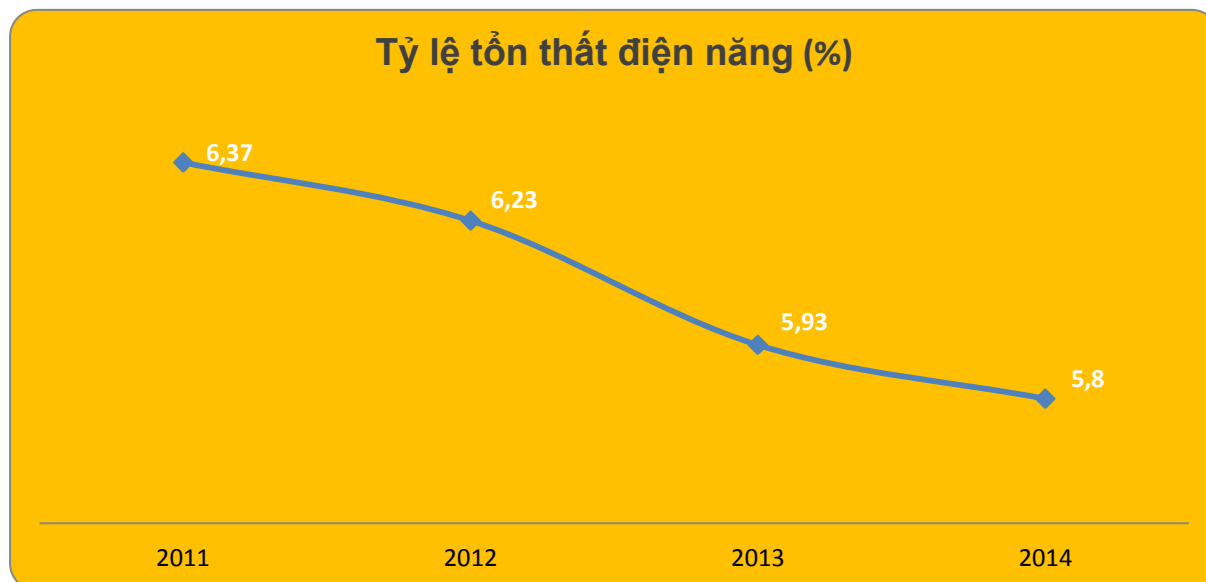
Sản lượng điện thương phẩm

Sản lượng điện thương phẩm đạt 1.547,06 triệu Kwh, tương ứng 108,2% so với mức kế hoạch đã đề ra, tăng hơn 15% so với năm 2013. Tốc độ tăng trưởng bình quân từ năm 2010 đến nay đạt mức tương đương 11%/năm.

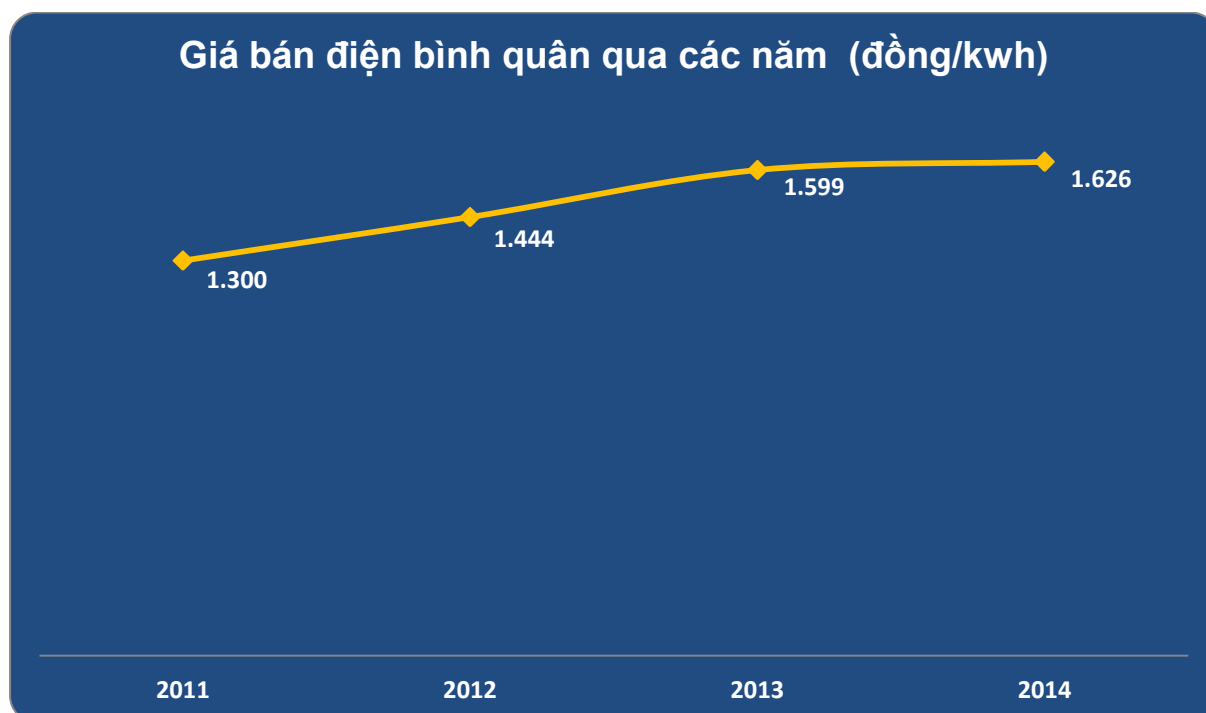


Tỷ lệ tổn thất điện năng

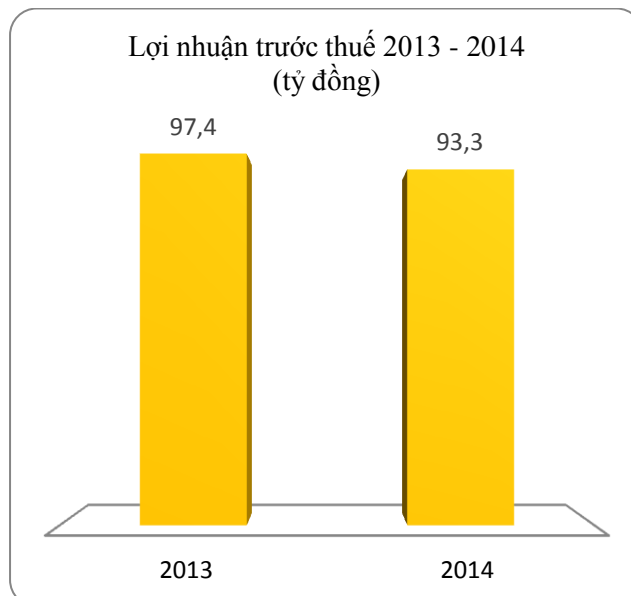
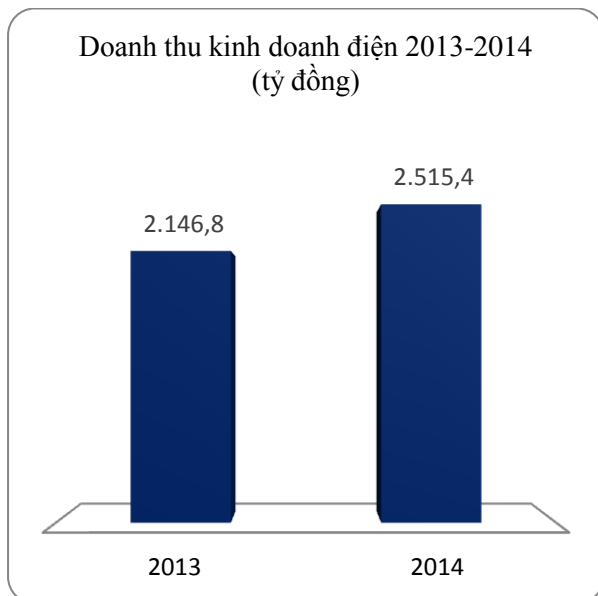
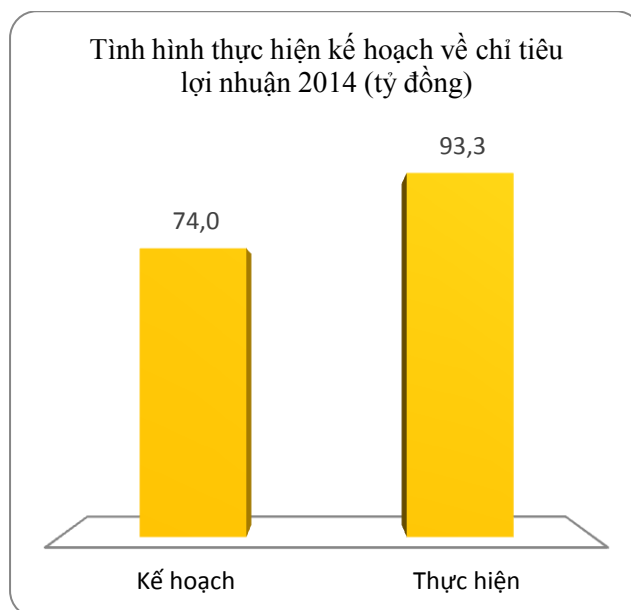
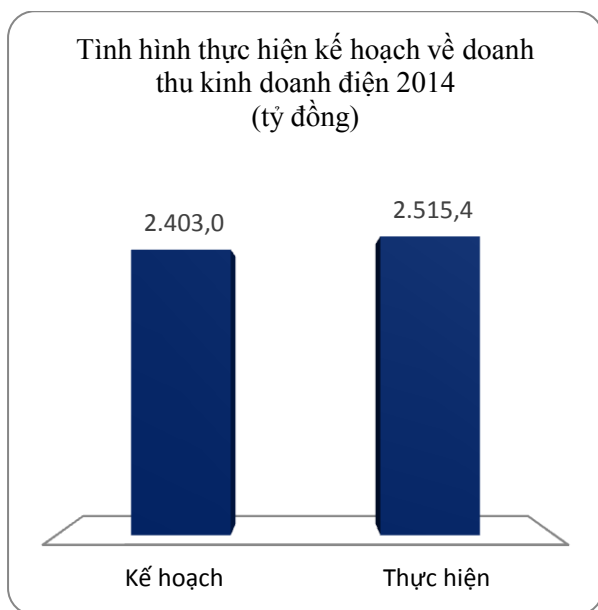
Nhờ việc áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ trong công tác quản lý vận hành, công tác kiểm soát điện áp đầu nguồn, công tác ĐTXD và SCL lưới điện, công tác bù công suất phản kháng, công tác thay công tơ định kỳ, công tác kiểm tra sử dụng điện, công tác quản lý hệ thống đo đếm, hiệu quả của việc áp dụng, triển khai công nghệ mới.. nên qua các năm, tỷ lệ tổn thất điện năng có xu hướng giảm dần. Cụ thể trong năm 2014, tỷ lệ tổn thất điện năng kỹ thuật đạt mức 5,8%, giảm 0,10% (giá trị tuyệt đối) so với chỉ tiêu kế hoạch và giảm 0,13% (giá trị tuyệt đối) so với cùng kỳ.

Giá bán điện

Ngày 1/6/2014, Chính phủ điều chỉnh giá bán điện nên EVNCPC đã thỏa thuận lại giá bán điện bình quân của Công ty là 1.624 đồng/kWh, giảm 18 đồng/kWh so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao; kết quả thực hiện năm 2014 về giá bán điện bình quân của Công ty là 1.625,92 đồng/kWh, tăng 1,92 đồng/kWh so với kế hoạch thỏa thuận lại với EVNCPC, tăng 27,17 đồng/kWh so với thực hiện năm 2013.



Lợi nhuận hoạt động trong năm 2014



Giá trị lợi nhuận đạt được trong năm của Công ty mặc dù vượt mức kế hoạch đã đề ra nhưng có sự sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ. Một số nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm này là:

Về lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh điện: Năm 2014 sản lượng điện thương phẩm đạt 1.547 triệu kWh, tăng 204 triệu kWh, tương đương tăng 15,2% so với năm 2013, nhờ đó, doanh thu năm 2014 tăng thêm 369,343 tỷ đồng so với kết quả đạt được năm 2013;

Cùng với sự tăng lên của sản lượng điện thương phẩm, giá mua điện đầu vào cũng tăng cao hơn so với năm 2013 với mức tăng là 34 đồng/kwh.

Sự tăng lên của sản lượng, doanh thu từ hoạt động chính đã giúp cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng gần 13% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận từ các hoạt động khác của Công ty diễn biến theo chiều hướng ngược lại đã tạo nên sự giảm nhẹ kết quả lợi nhuận chung của Công ty: Năm 2014 các hoạt động sản xuất khác như hoạt động tài chính, hoạt động xây lắp, hoạt động giám sát, đóng cắt thí nghiệm điện, cho thuê máy biến áp, TB điện... đều tăng tương giúp cho tổng lợi nhuận từ các hoạt động này tăng 2,24 tỷ đồng. Tuy nhiên, do Công ty chấm dứt hoạt động hợp tác kinh

doanh với nhà sách FAHASA và ngừng cho thuê mặt bằng lắp các trụ ATM nên lợi nhuận từ các hoạt động này giảm 1,2 tỷ đồng; Hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản giảm 1,8 tỷ; Hoạt động cho thuê trụ treo cáp viễn thông giảm 0,7 tỷ đồng (do năm 2013 doanh thu treo cáp được truy thu 2 tỷ đồng của năm 2012). Sự suy giảm lợi nhuận từ các hoạt động trên làm cho tổng lợi nhuận năm 2014 giảm so với năm 2013.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được trong năm 2014

Công tác dịch vụ khách hàng

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện rất nhiều giải pháp nhằm củng cố, hoàn thiện và nâng cao công tác dịch vụ khách hàng. Một số các giải pháp đó là:

Công ty đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng các phòng giao dịch khách hàng kiểu mẫu nhằm hướng đến môi trường phục vụ khách hàng văn minh, chuyên nghiệp; Hệ thống lấy số tự động (QMS) đặt tại các phòng giao dịch đã tăng thêm sự trật tự, quy củ khi khách hàng đến giao dịch tại quầy.

Công ty cũng đã nghiên cứu, cải tiến quy trình kinh doanh, hợp lý hóa các khâu trong chu trình giải quyết công việc nhằm giảm bớt sự phiền hà cho khách hàng, rút ngắn thời gian cấp điện; nâng cấp trang thông tin điện tử chăm sóc khách hàng, đảm bảo thuận lợi cho khách hàng tra cứu, tìm kiếm thông tin và đăng ký sử dụng các dịch vụ điện.

Ứng dụng hóa đơn điện tử thay hóa đơn tiền điện bằng giấy, đẩy mạnh phát triển khách hàng thanh toán tiền điện qua Ngân hàng/tổ chức thu hộ nhằm hạn chế việc sử dụng tiền mặt trong thanh toán; nâng cao ứng dụng của công nghệ thông tin vào việc gửi tin nhắn chăm sóc khách hàng qua email, số điện thoại để ngày một hiện đại hóa các dịch vụ điện, giảm bớt chi phí, góp phần nâng cao năng suất lao động.

Tổ chức các lớp “Kỹ năng giao tiếp khách hàng” cho nhân viên giao tiếp khách hàng tại các Điện lực, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm cũng như kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống đối với nhân viên giao tiếp khách hàng. Qua đó, khách hàng ngày một hài lòng hơn với công tác dịch vụ khách hàng của ngành điện nói chung cũng như của Công ty nói riêng, điều này được thể hiện ở điểm đánh giá sự hài lòng của khách hàng mỗi năm đều tăng cao.

Công tác kiểm tra giám sát mua bán điện

Trong năm 2014, Công ty đã tổ chức nhiều đợt kiểm tra hoạt động mua bán điện tại các Điện lực trực thuộc. Qua kiểm tra, Công ty đã kịp thời phát hiện các tồn tại, thiếu sót và chỉ đạo các Điện lực thực hiện khắc phục, kiện toàn công tác kinh doanh điện năng.

Trong năm, Công ty cũng đã tổ chức 22.540 lượt kiểm tra sử dụng điện, phát hiện 114 vụ việc vi phạm sử dụng điện, tăng 496% so với năm 2013; sản lượng điện truy thu 69,359kWh, tăng 167% so với năm 2013; số tiền truy thu là 332,845 triệu đồng, tăng 230% so với năm 2013.

Công tác kiểm tra, giám sát mua bán điện năm 2014 của Công ty đã đạt được kết quả cao, thể hiện qua kết quả hoạt động mua bán điện năng tại các Điện lực ngày càng được kiện toàn, kết quả thực hiện công tác kiểm tra sử dụng điện đều vượt so với năm 2013 và so với kế hoạch đặt ra từ đầu năm 2014.

Công tác sáng kiến năm 2014

Phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trong Công ty luôn được coi trọng, Công ty thường xuyên có văn bản hướng dẫn, nhắc nhở và hỗ trợ các đơn vị đăng ký và thực hiện các giải pháp, sáng kiến tại cơ sở. Trong năm 2014, toàn Công ty có 82 sáng kiến với giá trị làm lợi 2,1 tỷ đồng. Trong đó có những sáng kiến tiêu biểu mang lại hiệu quả cao như giảm thời gian mất điện, đảm bảo an toàn và chất lượng công trình, nâng cao độ tin cậy, tăng sản lượng điện thương phẩm cho Công ty.

Công tác truyền thông

Trong năm 2014 đã có tổng cộng 110 tin và bài được đăng trên website của Tổng Công ty, 153 tin và bài được đăng trên website Công ty, tăng 34% so với số lượng tin - bài của năm 2013.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản

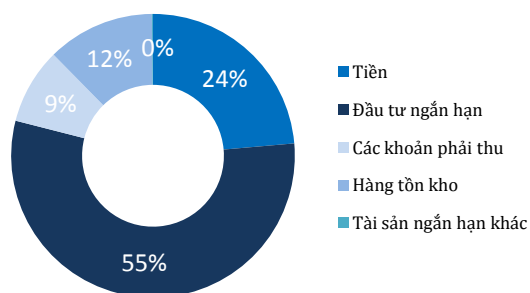
Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	% tăng trưởng	Tỷ trọng 2014
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	614,2	682,1	11,06%	52,07%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	550,7	628,0	14,02%	47,93%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.164,9	1.310,1	12,46%	100%

Năm 2014, tổng giá trị tài sản của Công ty đạt hơn 1.300 tỷ đồng, tăng 12,46% so với năm 2013.

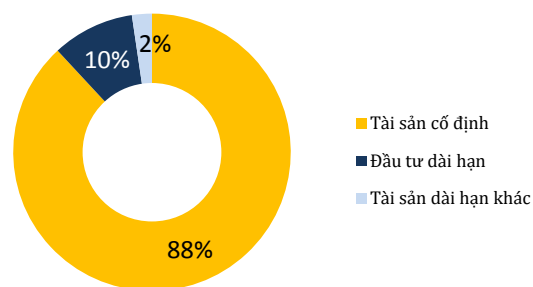
Cơ cấu tài sản được giữ khá ổn định với cơ cấu khoảng 52% tài sản ngắn hạn và 48% tài sản dài hạn.

Xét về cơ cấu mỗi nhóm tài sản, tỷ trọng tài sản ngắn hạn, dài hạn cụ thể như sau:

Cơ cấu tài sản ngắn hạn 2014



Cơ cấu tài sản dài hạn 2014



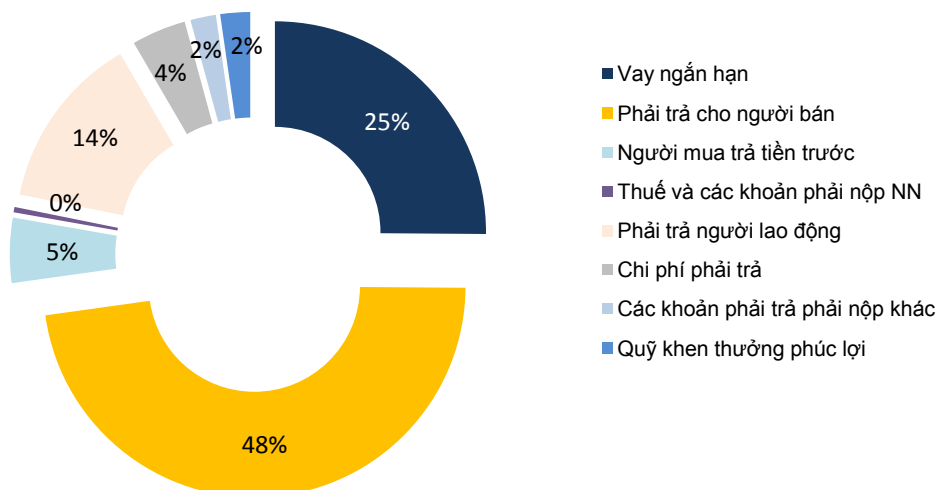
Về cơ cấu tài sản ngắn hạn, đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng tương đối lớn với tỷ lệ 55%. Khoản mục tiền và hàng tồn kho là 2 nhóm thành tố còn lại với tỷ trọng lần lượt là 12% và 9%. Tài sản ngắn hạn khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn.

Về cơ cấu tài sản dài hạn, giá trị tài sản cố định chiếm 88% tổng giá trị tài sản dài hạn trong đó, chi phí xây dựng dở dang chỉ chiếm gần 7%, còn lại là tài sản cố định hữu hình. Tổng giá trị đầu tư dài hạn chiếm khoảng 10% tổng giá trị tài sản dài hạn.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	% tăng trưởng	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	384	512	33,3%	67,9%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	230	242	5,5%	32,1%
Tổng nợ	Tỷ đồng	614	754	22,9%	100%

Cơ cấu nợ ngắn hạn 2014



Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, Phải trả cho người bán là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất với khoảng 48% tổng giá trị nợ ngắn hạn. Tuy nhiên, yếu tố tạo góp phần nên sự gia tăng 33,3% so với năm 2013 là giá trị vay nợ ngắn hạn.

Trong năm 2014, giá trị khoản mục này tăng thêm 76 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 147% so với cùng kỳ. Cụ thể, trong năm 2014, Công ty có vay mới hơn 81 tỷ đồng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, các khoản vay này chịu lãi suất thấp (4%/năm), do đó, gánh nặng chi phí lãi vay đối với Công ty là không đáng kể.

Về tình trạng nợ phải trả

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tuổi nợ dưới 1 năm			Tuổi nợ trên 1 năm		
	2013	2014	+/-	2013	2014	+/-
Các khoản vay	52,0	128,5	128,5%	223,3	229,2	2,64%
Phải trả người bán và phải trả khác	226,9	253,9	11,9%	-	-	-
Chi phí phải trả	22,5	21,3	- 5,33%	-	-	-
Tổng cộng	301,4	403,8	33,97%	223,3	229,2	2,64%

Trên thực tế, Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và đặc biệt là rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban điều hành luôn giám sát hoạt động quản lý rủi ro thông qua việc thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.

Năm 2014, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD nên Công ty đã tăng giá trị vay ngắn hạn với hơn 70 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty đủ khả năng tạo ra dòng tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Trong năm 2014, công nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Ngoại tệ	2013 (tỷ đồng)	2014 (tỷ đồng)
Công nợ	USD	81,4	73,5

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng USD. Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với các đồng USD. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

Ngoại tệ	2013 (triệu đồng)	2014 (triệu đồng)
USD	(814)	(735)
Tổng cộng	(814)	(735)

Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2013	2014
Vay và nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	52,0	128,5
Vay và nợ dài hạn	Tỷ đồng	223,3	229,2
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	9,4	9,9
Chi phí lãi vay/doanh thu thuần	%	0,42%	0,37%

Năm 2014, tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần ở mức 0,37%. Đây là mức thấp và thể hiện công ty không chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất. Bên cạnh đó, Công ty có một số khoản nợ ngắn hạn và dài hạn không phải trả lãi).

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Chính sách nhân sự

Trong năm 2014, Ban TGD Công ty đã thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2014-2015 (thuộc quy hoạch giai đoạn 2012-2015) và trình HĐQT phê duyệt quy hoạch này.

Lần đầu tiên Công ty tổ chức triển khai thi tuyển chọn cán bộ quản lý đối với cán bộ cấp Phó trưởng phòng chức năng Công ty và Trưởng phòng đơn vị trực thuộc Công ty.

Công ty cũng đã thành lập Hội đồng thẩm định do Tổng giám đốc làm Chủ tịch hội đồng để xem xét đánh giá chương trình công tác/kế hoạch hành động đối với các cán bộ quản lý thuộc diện bổ nhiệm mới và bổ nhiệm lại của Công ty.

Chính sách tiền lương

Công ty đã xây dựng và thực hiện phương án phân phối tiền lương năm 2014 trên cơ sở đề án của Tiểu ban tiền lương của Hội đồng quản trị, giao quỹ lương sản xuất kinh doanh điện của Công ty về tất cả các đơn vị trực thuộc.

Thay đổi phương thức thanh toán thù lao dịch vụ bán lẻ điện năng theo hướng xây dựng đơn giá khoán mới cho dịch vụ thu tiền điện đã bao gồm tiền phí bảo lãnh và tiền xăng xe, tạo sự công bằng và khuyến khích dịch vụ tăng thu.

Chính sách phân cấp quản lý

Công ty đã phân cấp mạnh cho các đơn vị trực thuộc, nâng cao vai trò, trách nhiệm của Giám đốc các đơn vị. Đồng thời, Công ty cũng đã giao khoán chi phí một cách sát sao, xây dựng cơ chế tài chính hợp lý, khuyến khích các đơn vị chủ động tìm kiếm các công trình thi công nhằm gia tăng lợi nhuận cho Công ty và tăng thêm thu nhập cho CBCNV đơn vị.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Triển vọng năm 2015

Năm 2015 được EVN chọn là năm với chủ đề “Năng suất – Hiệu quả” nhằm tăng năng suất lao động và tối ưu hóa chi phí. Dự kiến thị trường bán buôn điện cạnh tranh sẽ được thiết lập theo lộ trình thực hiện thị trường bán lẻ điện cạnh tranh. Công ty cũng tiếp tục nhiệm vụ thực hiện xây dựng lưới điện thông minh theo đề án phê duyệt của Chính phủ.

Bên cạnh đó, nhiều hoạt động, sự kiện sẽ được tổ chức trên địa bàn tỉnh để kỷ niệm 40 ngày Thống nhất đất nước 30/4/1975 – 30/4/2015 và Giải phóng Khánh Hòa 02/4/1975 – 02/4/2015. Đối với ngành Điện nói riêng, Công ty hưởng ứng và tổ chức các phong trào thi đua để chào mừng kỷ niệm 10 năm Ngày thành lập Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa 01/7/2005 – 01/7/2015; Tham gia hưởng ứng các hoạt động chào mừng kỷ niệm 40 năm Ngày thành lập Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVNCPC) 07/10/1975 – 07/10/2015.

Mục tiêu hoạt động trong năm 2015

- ✦ Đáp ứng tốt nhất nhu cầu điện cho phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; thực hiện triệt để các chương trình tiết kiệm điện theo chỉ đạo của EVNCPC; triển khai đồng bộ các giải pháp để giảm tổn thất điện năng theo lộ trình đã được duyệt; tối ưu hóa chi phí để đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.
- ✦ Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến vào các lĩnh vực SXKD như xây dựng các TBA 110kV không người trực, áp dụng công nghệ sửa chữa điện Hotline, vệ sinh thiết bị bằng công nghệ nước áp lực cao, xây dựng lưới điện thông minh theo lộ trình nhằm xây dựng Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa trở thành một trong những đơn vị phân phối điện hàng đầu của ngành Điện.
- ✦ Đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn lưới điện, đặc biệt là đối với các công trình được đầu tư bằng nguồn vốn vay và các công trình cấp điện cho các phụ tải lớn, quan trọng.
- ✦ Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- ✦ Phấn đấu tăng năng suất lao động, đảm bảo thu nhập, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho CBCNV.

Nhiệm vụ cụ thể trong hoạt động SXKD năm 2015

Trên cơ sở phân tích những thuận lợi và khó khăn trong năm 2015, quyết định phê duyệt giá điện đầu vào cho Công ty năm 2015 của EVNCPC, Công ty xây dựng các nhiệm vụ hoạt động SXKD cụ thể năm 2015 như sau:

- ✦ Phấn đấu đưa chỉ tiêu tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 1,673 tỷ kWh tăng 8,14% so với năm 2014; Tỷ lệ tổn thất điện năng trên lưới điện 110kV và lưới phân phối bằng hoặc thấp hơn 5,8%; thực hiện giá bán điện bình quân đạt từ 1.700 đ/kWh trở lên; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh khác để tìm kiếm thêm lợi nhuận.
- ✦ Phối hợp chặt chẽ với các Sở ban ngành của địa phương để tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền tiết kiệm điện bằng nhiều hình thức; phấn đấu tiết kiệm 1,5% tổng sản lượng điện thương phẩm.
- ✦ Tăng cường công tác quản lý ĐTXD, đảm bảo các dự án đầu tư đúng tiến độ, đạt chất lượng, hiệu quả và nâng cao chỉ số tiếp cận điện năng, đặc biệt là các dự án vay vốn và quan trọng như Tiểu dự án Cải tạo lưới điện Ninh hòa, dự án lắp MBA thứ hai và hệ thống thanh cái, tủ hợp bộ 22kV tại E31 Đồng Đế, dự án Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện trên lưới phân phối.
- ✦ Hoàn thành khối lượng, đảm bảo chất lượng, đảm bảo tiến độ thi công, nghiệm thu và quyết toán các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định; phấn đấu tiết kiệm ít nhất 15% chi phí sửa chữa lớn.
- ✦ Phấn đấu đạt các chỉ tiêu về suất sự cố và độ tin cậy cung cấp điện đã thỏa thuận với EVNCPC.
- ✦ Tiếp tục đẩy mạnh công tác an toàn lao động, tăng cường công tác kiểm tra hiện trường, phấn đấu không để xảy ra tai nạn lao động, đặc biệt là tai nạn lao động chết người do vi phạm qui trình.

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2015

Trên cơ sở các nhiệm vụ, mục tiêu hoạt động trên đây, Công ty đề ra kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu SXKD chính cho năm 2015 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	So với TH năm 2014	Thực hiện 2014
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	415,512.960	100.00%	415,512.960
2	Điện mua và điện phát	Triệu KWh	1,779.240	108.29%	1,643.048
3	Tỷ lệ tổn thất điện năng kỹ thuật	%	5.80%	100.00%	5.80%
4	Tỷ lệ tổn thất có tính tổn thất truyền tải hộ	%	5.90%	100.99%	5.84%
5	Điện thương phẩm	Triệu KWh	1,673.000	108.14%	1,547.060
6	Giá bán điện bình quân	Đồng/KWh	1,700.00	104.56%	1,625.924
7	Tổng doanh thu (SXĐ và SXK)	Tỷ đồng	3,049.100	111.43%	2,736.349
8	Tổng chi phí (SXĐ và SXK)	Tỷ đồng	2,972.200	112.45%	2,643.061
9	Tổng lợi nhuận trước thuế (SXĐ và SXK)	Tỷ đồng	76.900	82.43%	93.287

Ghi chú:

- (*) Tỷ lệ tổn thất kỹ thuật là tỷ lệ tổn thất điện năng đã loại trừ tổn thất do truyền tải điện hộ cho tỉnh Ninh Thuận và Phú Yên.
- (**) Tổng doanh thu bao gồm: doanh thu tiền điện, công suất phản kháng, vật tư thu hồi và cho thuê cột viễn thông, xây lắp, khảo sát thiết kế, mắc dây đặt đèn, giám sát, thí nghiệm, nhượng bán vật tư, hoạt động tài chính, ...



IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động trong năm 2014 và nhiệm kỳ 2010-2015

Năm 2014 là năm cuối cùng nhiệm kỳ thứ II (2010-2015) của HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Trong suốt nhiệm kỳ qua, với vai trò và trách nhiệm được ĐHCĐ công ty giao phó, HĐQT luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao nhất, thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng trong việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty, luôn tìm mọi giải pháp để nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông Công ty.

Trong 5 năm qua, mặc dù hoạt động của Công ty gặp không ít khó khăn do sự suy thoái chung của nền kinh tế, trong từng giai đoạn, HĐQT đã có những chỉ đạo/định hướng linh hoạt để Ban TGD Công ty làm cơ sở trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo Công ty luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận hàng năm được Đại hội đồng cổ đông giao; kết quả là, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, mức cổ tức hàng năm Công ty chi trả cho cổ đông luôn được giữ ổn định từ 11-14%/năm.

Dưới sự lãnh đạo của HĐQT trong nhiệm kỳ qua, vốn điều lệ của Công ty đã được bảo toàn và giữ ổn định ở mức 415,5 tỷ đồng, bên cạnh đó Công ty cũng đã mua vào được 1,5 triệu cổ phiếu quỹ tại thời điểm giá cổ phiếu xuống thấp dưới mệnh giá. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã huy động vốn từ nhiều nguồn vốn vay khác nhau với lãi suất thấp và ưu đãi để đầu tư nâng cấp và cải tạo hệ thống lưới điện, đảm bảo hệ thống vận hành hiệu quả, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện năng. Tổng tài sản của Công ty đã tăng từ 849 tỷ đồng vào đầu năm 2010 lên 1.310 tỷ đồng vào cuối năm 2014, các chỉ tiêu tài chính quan trọng của Công ty luôn được kiểm soát ở mức an toàn.

Trong nhiệm kỳ qua, bên cạnh những chỉ tiêu hoạt động tài chính tăng trưởng tích cực, Công ty cũng đã đạt được một số thành tích đáng chú ý trong công tác quản lý kỹ thuật, kinh doanh và các mặt công tác khác như sau:

- ✦ Hạ tầng hệ thống điện Khánh Hòa cũng như cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh đã được đầu tư đổi mới cả về thiết bị và công nghệ như: đầu tư lắp đặt thiết bị để cải tạo các TBA 110kV đang vận hành kiểu truyền thống thành TBA 110kV theo công nghệ tích hợp, vận hành theo chế độ một người trực. Đến nay đã có 3/13 TBA 110kV của Công ty vận hành theo chế độ một người trực, trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục chuyển toàn bộ các TBA 110kV sang chế độ vận hành một người trực và không người trực.
- ✦ Năm 2012, Công ty đã ký kết hợp đồng với Sở Khoa học Công nghệ Khánh Hòa triển khai đề tài “Ứng dụng công nghệ GIS để quản lý hạ tầng kỹ thuật lưới điện tại Khánh Hòa”. Năm 2013, Công ty đã tiến hành nghiên cứu triển khai và thử nghiệm các đề tài khoa học phục vụ kinh doanh như: “Phần mềm ứng dụng dùng smartphone ghi chỉ số công tơ điện”, “Tính toán phối hợp bảo vệ rơle và xây dựng cảm nang rơle cho lưới điện phân phối Khánh Hòa”, “Ứng dụng công nghệ PLC để thu thập dữ liệu công tơ từ xa”.
- ✦ Trong công tác kinh doanh, Công ty cũng đã đưa vào hoạt động trang web chăm sóc khách hàng nhằm hỗ trợ cho khách hàng những thông tin kịp thời, chính xác. Khách hàng được chủ động yêu cầu một số dịch vụ như yêu cầu ngừng cấp điện, cấp điện lại, nâng công suất, thay đổi vị trí hệ thống đo đếm, thay đổi số hộ, thay đổi mục đích sử dụng, theo dõi tiến độ cung cấp dịch vụ ...
- ✦ Công ty đã triển khai cung cấp dịch vụ nhắn tin chăm sóc khách hàng sử dụng điện tử tháng 12/2013; các dịch vụ nhắn tin bao gồm thông báo tiền điện, thông báo nợ tiền điện, thông báo các dịch vụ và các chủ trương của EVN. Hiện nay, Công ty đang triển khai dịch vụ nhận thông tin chăm sóc khách hàng qua email.
- ✦ Ngoài ra, Công ty cũng đã cung cấp dịch vụ thu hộ tiền điện qua ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng thanh toán tiền điện nhanh chóng, an toàn và tiện lợi; Áp dụng hóa đơn điện tử thay cho hóa đơn giấy truyền thống trên toàn bộ địa bàn kinh doanh của Công ty; Thực hiện lộ trình thay thế công tơ cơ khí bằng công tơ điện tử và công nghệ đọc dữ liệu hệ thống đo đếm từ xa
- ✦ Trong 5 năm qua, Công ty đã công nhận 275 sáng kiến, cải tiến hợp lý hóa sản xuất của CBCNV với tổng giá trị làm lợi là 6,4 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu giai đoạn 2010-2014

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2010	2011	2012	2013	2014
Điện thương phẩm	Tr.kWh	1.023,8	1.114,1	1.268,6	1.342,8	1.546,6
Giá bán bình quân	đ/kWh	1.107,6	1.300,3	1.444,1	1.598,8	1.625,6
Tỷ lệ TTĐN kỹ thuật	%	6,66	6,37	6,23	5,93	5,80
Tổng doanh thu	tỷ đồng	1.263,9	1.615,9	1.993,1	2.276,7	2.736,3
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	106,2	89,8	137,4	97,5	93,3
Cổ tức	%	12,0	12	14	14	11
Thu nhập BQ của NLĐ	tr.đ/tháng	6,9	8,0	10,3	11,7	11,8
Nộp ngân sách tỉnh	tỷ đồng	36,0	46	69	71	58,77



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2014, HĐQT đánh giá cao về hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ và thực hiện đúng đắn, đầy đủ nội dung các nghị quyết, quyết định của HĐQT một cách nhanh chóng, góp phần đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo định hướng phát triển mà HĐQT đã đề ra.

Ban TGD đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ Quy chế phân cấp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc Công ty, Quy định về mối quan hệ và phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và TGD theo đúng Điều lệ Công ty và các Quy chế, quy định của Công ty đã được ban hành.

Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân phối điện, Ban Tổng giám đốc Công ty đã tập trung thực hiện các giải pháp cải tạo nâng cấp nguồn lưới điện, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào công tác quản lý vận hành, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân viên, vì vậy đã đảm bảo cấp điện an toàn, liên tục và đảm bảo chất lượng điện năng cho các phụ tải trên địa bàn;

Trong hoạt động đầu tư xây dựng/sửa chữa lớn hệ thống lưới điện Ban TGD đã có những chỉ đạo quyết liệt, yêu cầu các đơn vị

lập tiến độ thi công chi tiết, phối hợp lịch cắt điện thi công đồng bộ, phù hợp để hạn chế thời gian cắt điện thi công. Nhờ sự điều hành linh hoạt, khoa học của Ban TGD trong năm qua phần lớn các công trình đầu tư xây dựng/sửa chữa lớn trong kế hoạch đã được triển khai đúng tiến độ, đảm bảo yêu cầu chất lượng thi công, góp phần tăng doanh thu, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và giảm tỷ lệ tổn thất điện năng của Công ty.

Trong hoạt động kinh doanh, Ban TGD Công ty đã quan tâm song song cả hai mặt về nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và củng cố đội ngũ CBCNV. Ban TGD Công ty đã chỉ đạo các đơn vị thường xuyên cải tiến dịch vụ khách hàng, nắm bắt, cập nhật thông tin về khách hàng một cách thường xuyên, qua đó chăm sóc, phục vụ khách hàng cũng như áp giá điện cho từng khách hàng được nhanh chóng và chính xác. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác phục vụ khách hàng, triển khai nhiều dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng, qua đó phục vụ các đối tượng khách hàng ngày một tốt hơn.

Trong điều kiện hoạt động gặp không ít khó khăn về tài chính, Ban TGD Công ty đã tìm tòi nhiều giải pháp hợp lý để giải quyết các nguồn vốn đầu tư, đặc biệt đã đề

xuất cơ chế tài chính phối hợp với địa phương để ứng vốn ngân sách giải quyết việc cấp điện khu vực nông thôn, các vùng sâu, vùng xa, miền núi hải đảo. Bên cạnh đó, Ban TGD Công ty cũng đã thực hiện cơ chế kiểm soát chi phí một cách tiết kiệm và hợp lý, các giải pháp đầu tư đều được xem xét cân nhắc không chỉ về mặt kỹ thuật mà còn về mặt hiệu quả tài chính hợp lý.

Trong thời gian tới, để đạt được các mục tiêu đề ra, Ban TGD Công ty quan tâm hơn nữa trong chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn lao động, giảm suất sự cố và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện. Xây dựng định hướng kinh doanh tập trung vào việc nâng cao năng lực cấp điện cho các khu kinh tế trọng điểm của Tỉnh; tiếp tục đầu tư cải tạo nâng cấp lưới điện cùng với áp dụng các công nghệ tiên tiến trong quản lý vận hành và kinh doanh như hệ thống SCADA, vận hành trạm biến áp không người trực; đẩy mạnh triển khai các dịch vụ giá trị gia tăng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh điện thông qua tái cấu trúc lại mô hình tổ chức sản xuất, tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao hơn nữa năng suất lao động; mở rộng đầu tư hiệu quả vào các loại hình kinh doanh Công ty có lợi thế cạnh tranh nhằm mở rộng sản xuất và gia tăng lợi nhuận cho cổ đông Công ty.





**KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Mục tiêu và giải pháp thực hiện trong nhiệm kỳ 2015-2020

Trong nhiệm kỳ 2015-2020, HĐQT Công ty đề ra các mục tiêu và giải pháp để giúp cho hoạt động SXKD của Công ty ngày càng ổn định và phát triển như sau:

- ✦ Hoàn thiện tổ chức bộ máy hoạt động kinh doanh của Công ty, bảo đảm hiệu quả và hiệu lực điều hành; nghiên cứu và áp dụng mô hình tổ chức mới theo hướng đón đầu thị trường bán buôn và bán lẻ điện cạnh tranh; nâng cao hiệu quả hoạt động trên 6 lĩnh vực theo định hướng của EVN.
- ✦ Hoàn thành mọi nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao hàng năm. Trên cơ sở đó, giải quyết hài hòa lợi ích của cổ đông, lợi ích của khách hàng và lợi ích của người lao động, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.
- ✦ Ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến vào tất cả các khâu của quá trình kinh doanh để nâng cao năng suất lao động như: tiếp tục chuyển các TBA 110kV sang vận hành chế độ một người trực và không người trực/thực hiện lộ trình xây dựng lưới điện thông minh/áp dụng công nghệ sửa chữa điện nóng, sử dụng nước áp lực cao để vệ sinh cách điện/sử dụng điện thoại thông minh, máy tính bảng vào công tác lắp đặt công tơ, ghi chữ, thu tiền điện/liên kết với các ngân hàng và đối tác khác trong công tác thu tiền điện nhằm đa dạng hóa công tác thanh toán tiền điện của khách hàng/ cung cấp thêm nhiều dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng.
- ✦ Đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa lưới điện nhằm bảo đảm độ tin cậy cung cấp điện, bảo đảm chỉ số tiếp cận điện năng theo Thông tư số 33/ TT-BCT ngày 10/10/2014 và theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 của Chính phủ.
- ✦ Thực hiện thành công mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng theo chủ trương của Ngành; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên lành nghề, làm việc có hiệu quả và năng suất cao; giao tiếp với khách hàng thân thiện, chu đáo; xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo định hướng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- ✦ Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản trị nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị Công ty; trong đó quan tâm sớm hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định về phân phối tiền lương, về công tác cán bộ; xây dựng kế hoạch trung và dài hạn về phát triển nguồn nhân lực.
- ✦ Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ của người lao động theo quy định của Nhà nước và Công ty; đảm bảo việc làm, tiền lương, thu nhập và phúc lợi của người lao động đi đôi với nâng cao chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực.
- ✦ Tìm kiếm các nguồn vay tín dụng ưu đãi để bảo đảm nguồn lực tài chính thực hiện và hoàn thành các mục tiêu đầu tư phát triển đề ra hàng năm, mục tiêu xây dựng lưới điện thông minh và những mục tiêu kinh doanh khác.
- ✦ Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, công tác quốc phòng và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- ✦ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện.
- ✦ Phát triển, nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh doanh khác nhằm tìm kiếm, tối đa hóa lợi nhuận.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Thanh Lâm	Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách
2	Ông Phạm Sỹ Hùng	Thành viên HĐQT	Không điều hành
3	Ông Trịnh Minh Quang	Thành viên HĐQT	Không điều hành
4	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	Độc lập
5	Ông Dương Như Hùng	Thành viên HĐQT	Độc lập

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị**Ông Nguyễn Thanh Lâm**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT chuyên trách

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành mạng và hệ thống điện

Quá trình công tác:

1984 - 05/1990	Chuyên viên Phòng kỹ thuật Điện lực Khánh Hòa
6/1990 – 11/1994	Phó phòng kỹ thuật Điện lực Khánh Hòa
11/1994 - 06/2005	Trưởng phòng Kỹ thuật Điện lực Khánh Hòa
7/2005 - 4/2008	TV Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty
4/2008 – 5/2014	Ủy viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty
6/2014 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách

Số lượng cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 4.151.130 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ Công ty
- Cá nhân sở hữu: 41.648 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ Công ty.

Chức danh thành viên HĐQT công ty khác:

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán Tonkin.



Ông Phạm Sỹ Hùng

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Cử nhân Anh Văn

Quá trình công tác:

06/1986-08/1987	Nhân viên xưởng chế biến số 1 – Công ty kinh doanh lâm nghiệp Việt - Lào
09/1987-09/1988	Phó trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Xí nghiệp chế biến lâm sản, Công ty kinh doanh lâm nghiệp Việt - Lào
10/1988-02/1990	Quản đốc Phân xưởng chế biến, Xí nghiệp chế biến lâm sản, Công ty kinh doanh lâm nghiệp Việt - Lào
03/1990-11/1990	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật - Sở Điện lực Quảng Trị
12/1990-03/1991	Trợ lý Quản đốc Phân xưởng lưới điện – Sở Điện lực Quảng Trị
04/1991-08/1992	Phó TP phụ trách Phòng Kinh doanh – Sở Điện lực Quảng Trị
09/1992-07/2000	Trưởng phòng Kinh doanh Điện lực Quảng Trị
15/07/2000-02/2010	Phó Giám đốc Điện lực Quảng Trị.
03/2010-04/2014	Giám đốc Công ty Điện lực Quảng Trị
01/5/2014 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

Số lượng cổ phần sở hữu:

- Đại diện sở hữu: 13.101.167 cổ phần, chiếm 31,53% vốn điều lệ Công ty

Chức danh thành viên HĐQT công ty khác:

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung



Ông Trịnh Minh Quang

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật và QTKD

Quá trình công tác:

10/1991- 08/1996	Công tác tại Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực miền Trung)
09/1996 - 2/2003	Phó trưởng phòng Thanh tra Công ty Điện lực 3
03/2003 - 3/2010	Phó Chánh Văn Phòng Công ty Điện lực 3
04/2010 - 3/2011	Trưởng Ban pháp chế Tổng công ty Điện lực miền Trung
04/2011 - đến nay	Chánh văn phòng Tổng Công ty điện lực miền Trung – Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Số lượng cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 4.151.130 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ Công ty

Chức danh thành viên HĐQT công ty khác: không có



Ông Nguyễn Thanh Bình

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Năm sinh: 1955

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1975-1977 Kế toán Công ty lương thực Phú Khánh
- 1977-1981 Học khoa kinh tế - Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng
- 1982-1990 Nhân viên phòng kế hoạch Điện lực Khánh Hòa (ĐLKH)
- 6/1990-8/1992 Phó Trưởng phòng kế hoạch ĐLKH
- 9/1992- 6/2005 Trưởng Phòng kế hoạch ĐLKH
- 7/2005-15/4/2007 Trưởng Phòng kế hoạch Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
- 4/2007 – 03/2011 Thành viên HĐQT- Chủ tịch công đoàn Công ty – Trưởng Phòng kế hoạch Công ty.
- 04/2011 – đến nay Thành viên HĐQT- Chủ tịch công đoàn Công ty

Số lượng cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu: 30.720 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ Công ty.

Chức danh thành viên HĐQT công ty khác: không có



Ông Dương Như Hùng

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Năm sinh: 18/7/1968

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ tài chính

Quá trình công tác:

- 1995 -1996 Giám đốc kinh doanh Công ty Vận tải Thương mại Xuyên Việt
- 1997- 06/2002 Giảng viên khoa Quản lý công nghiệp, Đại học Bách khoa TP
- 08/2002-06/2009 Làm nghiên cứu sinh & giảng dạy tại Đại học Old Dominion University
- 09/2009 – 3/2011 Giảng viên khoa QLCN, Đại học Bách Khoa TPHCM
- 04/2011 - 12/2013 Giảng viên khoa QLCN, Đại học Bách Khoa TPHCM – Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa
- 12/2013 – đến nay Phó hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế - Luật - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

Số lượng cổ phần nắm giữ: không có

Chức danh thành viên HĐQT công ty khác: không có

Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị

Tiêu ban xây dựng Quy chế quản trị

Trong năm 2014, Tiêu ban xây dựng Quy chế của HĐQT đã đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu, biên soạn, và tham mưu cho HĐQT các quy định, quy chế áp dụng trong toàn Công ty nhằm đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả quản lý của HĐQT đối với các mặt hoạt động của Công ty. Cụ thể, các nội dung rà soát, sửa đổi bổ sung gồm: Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế làm việc của HĐQT, Quy chế phân cấp giữa HĐQT và Tổng giám đốc, và Quy chế phát ngôn, cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí và công bố thông tin ra bên ngoài doanh nghiệp.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2014, HĐQT Công ty đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ hàng quý. Trong các cuộc họp, Ban Tổng Giám đốc đều có tờ trình báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, các kế hoạch hoạt động và đề xuất xin ý kiến HĐQT. Tại các cuộc họp, HĐQT đã nghiên cứu, thảo luận các vấn đề có liên quan và thống nhất ban hành các nghị quyết, quyết định chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phiên họp tháng 02/2014

- Báo cáo tài chính Quý 4 và cả năm 2013.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.
- Thông qua dự án đầu tư cải tạo lưới điện nông thôn khu vực Ninh Hòa – Khánh Hòa và hình thức quản lý dự án khi vay vốn của WB.
- Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư năm 2014 của dự án đầu tư Trung tâm điều hành và kinh doanh 11 Lý Thánh Tôn và một số nội dung triển khai trong năm 2014.
- Dự kiến kế hoạch chi phí kinh doanh điện và kế hoạch lợi nhuận kinh doanh khác năm 2014.
- Thông qua phương án hoán đổi địa điểm làm việc của các đơn vị.
- Một số nội dung chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên 2014.
- Thông qua sửa đổi Quy chế phân cấp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.
- Báo cáo công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2014 – 2020.
- Tờ trình về kế hoạch bổ sung lao động trong năm 2014.
- Phương án phân phối quỹ tiền lương cho các Điện lực trong năm 2014 của Tiêu ban tiền lương.
- Phương án phân phối quỹ tiền lương trong đơn giá khối kinh doanh điện năm 2014.
- Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả thực hiện các quyết định/các vấn đề HĐQT đã có ý kiến trong cuộc họp HĐQT.

Phiên họp tháng 05/2014

- Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2014 được tổ chức trong tháng 6/2014:
- Báo cáo kết quả kinh doanh quý 1/2014.
- Kế hoạch chi phí kinh doanh điện năm 2014.
- Kế hoạch tiền lương SXKD điện năm 2014.
- Phương án sắp xếp cơ cấu tổ chức của Xí nghiệp Cơ điện – Thí nghiệm.
- Thông qua Quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Bàn về nhân sự Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.

Phiên họp tháng 7/2014

- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD Quý II và 6 tháng đầu năm 2014, kế hoạch hoạt động SXKD Quý III và 6 tháng cuối năm 2014.
- Báo cáo tài chính Quý II và 6 tháng đầu năm 2014, báo cáo phân tích tài chính Quý II và 6 tháng đầu năm 2014.
- Ban TGD Công ty báo cáo HĐQT cho ý kiến về kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận chi tiết năm 2014 sau khi thống nhất giá mua điện điều chỉnh với EVNCPC
- Báo cáo kết quả kinh doanh của các Công ty có phần vốn góp của KHPC; kế hoạch thay đổi Người đại diện phần vốn của KHPC tại Công ty CP BTLT Điện Lực Khánh Hòa.
- Kế hoạch, tiến độ góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư điện lực 3 trong năm 2014.
- Phương án thoái vốn của Công ty tại Công ty cổ phần thiết bị điện Vinasino trong năm 2014;
- HĐQT cho ý kiến về việc tìm hiểu và lập phương án đầu tư thiết bị sửa chữa điện nóng (hot line) cấp điện áp từ 22kV trở xuống;
- HĐQT cho ý kiến về việc Công ty tự nghiên cứu chế tạo các thiết bị chỉ thị sự cố có định vị vệ tinh để lắp đặt trên lưới điện.
- Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, xây dựng các Quy chế do HĐQT ban hành.
- Phê duyệt dự thảo Quy chế làm việc của HĐQT Công ty
- Phê duyệt dự thảo sửa đổi bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ Công ty.

Phiên họp tháng 10/2014

- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, tài chính quý III và 9 tháng đầu năm 2014.
- Dự kiến kế hoạch tài chính quý IV và cả năm 2014.
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 cho cổ đông của Công ty.
- Kế hoạch SCL và ĐTXD năm 2015.
- Báo cáo tình hình hoạt động SXKD tại các Công ty con và Công ty liên kết.
- Báo cáo kết quả thử nghiệm thiết bị chỉ thị sự cố và kế hoạch triển khai sản xuất.
- Báo cáo Phương án sửa chữa điện nóng và vệ sinh công nghiệp bằng nước áp lực cao
- Thông qua các nghị quyết về Mô hình tổ chức Điện lực, Độ tin cậy cung cấp điện và Giảm tổn thất điện năng,
- Thông qua kế hoạch công tác của HĐQT trong quý IV/2014

Ngoài ra, HĐQT cũng đã thông qua việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời ban hành các nghị quyết/quyết định đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2014, HĐQT đã ban hành 67 nghị quyết, quyết định về những nội dung quan trọng đối với từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

STT	Số Nghị quyết	Nội dung
1	240/NQ-ĐLKH	Tạm trích thưởng vượt lợi nhuận kế hoạch lần 1 năm 2013 cho CBCNV Công ty
2	244/NQ-ĐLKH	Điều chuyển bộ phận thực hiện chức năng kiểm định thuộc Xí nghiệp Cơ điện - Thí nghiệm của Công ty sang cho Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung
3	246/NQ-ĐLKH	Điều chỉnh kế hoạch vốn sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2013
4	247/NQ-ĐLKH	Phê duyệt phương án chuyển nhượng phần vốn của Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa tại Công ty CP Bất động sản Sài Gòn Vina
5	248/NQ-ĐLKH	Phê duyệt phương án chuyển nhượng phần vốn của Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa tại Công ty CP Bất động sản Điện lực Miền Trung
6	249/NQ-ĐLKH	Khen thưởng cho Tiểu ban xây dựng Đề án cải tiến chế độ phân phối tiền lương-thu nhập của Công ty
7	250/NQ-ĐLKH	Quản lý đầu tư dự án cải tạo lưới điện nông thôn khu vực Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa khi vay vốn WB
8	251/QĐ-ĐLKH	Điều chỉnh kế hoạch giá trị thực hiện dự án Trung tâm điều hành Điện lực và kinh doanh Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa trong năm 2014
9	252/NQ-ĐLKH	Nghị quyết của HĐQT về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên 2014.
10	253/NQ-ĐLKH	Về phương án hoán đổi địa điểm làm việc của các đơn vị trực thuộc Công ty
11	254/NQ-ĐLKH	Thành lập Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014 của Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa
12	255/NQ-ĐLKH	Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2014
13	257/NQ-ĐLKH	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu Dự án Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa
14	258/NQ-ĐLKH	Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
15	272/NQ-ĐLKH	Mua sắm các MBA phân phối trong năm 2014
16	274/NQ-ĐLKH	Phê duyệt kế hoạch vốn thực hiện đầu tư dự án chống quá tải các TBA 110kV
17	274/QĐ-ĐLKH	Phê duyệt kế hoạch mua sắm xe cầu tự hành cho Công ty trong năm 2014
18	277/NQ-ĐLKH	Tuyển dụng bổ sung lao động cho Điện lực Cam Ranh-Khánh Sơn trong năm 2014
19	280/NQ-ĐLKH	Tuyển dụng bổ sung lao động cho Xí nghiệp Lưới điện Cao thế trong năm 2014
20	281/NQ-ĐLKH	Xếp lương nâng ngạch chuyên viên chính, kỹ sư chính sau khi thi đạt kết quả tại kỳ thi chuyên viên chính, kỹ sư chính tổ chức tại EVNCP
21	282/QĐ-ĐLKH	Nâng bậc lương cho Chủ tịch Công đoàn Công ty
22	284/NQ-ĐLKH	Về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014 của Công ty
23	285/NQ-ĐLKH	Phê duyệt Ngân hàng tài trợ vốn vay dự án Nhà điều hành các Điện lực và Trung tâm điều hành Điện lực năm 2014
24	287/NQ-ĐLKH	Về việc ông Nguyễn Thanh Lâm thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty
25	288/NQ-ĐLKH	Về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
26	289/NQ-ĐLKH	Về việc ông Trần Đình Nhân thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2010-2015
27	290/NQ-ĐLKH	Về việc bầu Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2010-2015
28	291/NQ-ĐLKH	Về việc bổ sung các nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2014

29	292/NQ-ĐLKH	Về các nội dung thông qua tại kỳ họp HĐQT lần thứ 20, nhiệm kỳ 2010-2015
30	293/NQ-ĐLKH	Điều chỉnh kế hoạch vốn ĐTXD năm 2014 của dự án cải tạo lưới điện nông thôn khu vực thị xã Ninh Hòa
31	303/NQ-ĐLKH	Thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2014 của Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa
32	304/NQ-ĐLKH	Phê duyệt kế hoạch tiếp nhận hệ thống lưới điện Khu đô thị mới Phước Long (giai đoạn 2)
33	306/NQ-ĐLKH	Về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty
34	311/NQ-ĐLKH	Về việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền mặt
35	317/NQ-ĐLKH	Về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2014
36	318/NQ-ĐLKH	Về việc phê duyệt danh sách ứng viên trúng tuyển, đủ điều kiện để Công ty ký hợp đồng lao động bổ sung cho Xí nghiệp Lưới điện cao thế năm 2014
37	319/NQ-ĐLKH	Về việc thành lập tiểu ban của HĐQT hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị Công ty
38	324/NQ-ĐLKH	Về việc thay đổi người đại diện vốn của Công ty CP Điện lực Khánh Hòa tại Công ty CP Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa
39	325/NQ-ĐLKH	Về chủ trương thực hiện chương trình đấu nối đường dây 110kV Đa Nhim-Cam Ranh vào TBA 220kV Tháp Chàm
40	326/NQ-ĐLKH	Về các nội dung thông qua tại kỳ họp lần thứ 21, nhiệm kỳ 2010-2015
41	329/NQ-ĐLKH	Về việc ban hành quy chế phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
42	330/NQ-ĐLKH	Về việc thành lập lại Hội đồng thanh xử lý vật tư, tài sản của Công ty
43	331/NQ-ĐLKH	Về việc ký hợp đồng lao động thời hạn 12 tháng đối với 07 công nhân tại Xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp
44	332/NQ-ĐLKH	Về việc lý hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng đối với 07 công nhân tại Nhà điều hành sản xuất Xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp, Điện lực Vĩnh Hải và Tổng kho vật tư Công ty
45	333/NQ-ĐLKH	Về việc phê duyệt để Công ty vay vốn lưu động
46	341/NQ-ĐLKH	Về việc ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa
47	342/NQ-ĐLKH	Về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Quản trị Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
48	343/NQ-ĐLKH	Phê duyệt danh sách cán bộ quy hoạch bổ sung cho Công ty giai đoạn 2014-2015
49	344/NQ-ĐLKH	Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Công trình Khu phụ trợ Điện lực Diên Khánh - Khánh Vĩnh
50	353/NQ-ĐLKH	Về việc thôi cử người đại diện phần vốn của KHPC và thôi tham gia thành viên HĐQT tại Công ty CP Thiết bị điện Vinasino
51	354/NQ-ĐLKH	Về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
52	362/NQ-ĐLKH	Về việc tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2014 cho cổ đông hiện hữu
53	363/NQ-ĐLKH	Về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Thiết bị điện Vinasino
54	365/NQ-ĐLKH	Về các nội dung thông qua tại kỳ họp HĐQT lần thứ 21, nhiệm kỳ 2010-2015
55	366/NQ-ĐLKH	Về việc phê duyệt bổ sung chỉ tiêu lao động năm 2014
56	367/NQ-ĐLKH	Về việc phê duyệt kế hoạch thù lao dịch vụ bán lẻ điện năng năm 2014
57	368/NQ-ĐLKH	Về việc phê duyệt kế hoạch tiền lương Trung tâm tư vấn xây dựng điện năng năm 2014
58	369/NQ-ĐLKH	Về việc phê duyệt đơn giá tiền lương từ hoạt động quản lý treo cáp viễn thông trên cột điện năm 2014
59	370/NQ-ĐLKH	Về việc phê duyệt đơn giá tiền lương gia công cơ khí cho Xí nghiệp Cơ điện Thí

nghịệm năm 2014		
60	372/NQ-ĐLKH	Về việc hoàn thiện mô hình tổ chức điện lực tại Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
61	373/NQ-ĐLKH	Về việc nâng cao độ tin cậy cung cấp điện trên lưới điện Khánh Hòa
62	374/NQ-ĐLKH	Về việc giảm tổn thất điện năng trên lưới điện Khánh Hòa
63	376/NQ-ĐLKH	Phê duyệt định mức các khoản chi phí có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động, hạch toán vào chi phí của Công ty
64	383/NQ-ĐLKH	Về việc ban hành Quy chế Phân cấp giữa HĐQT và Tổng giám đốc Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
65	390/NQ-ĐLKH	Về việc phê duyệt nhu cầu mua sắm công tơ phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty
66	395/NQ-ĐLKH	Phê duyệt chủ trương tham gia đầu tư dự án thành phần cấp điện nông thôn từ dự án thành phần Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Khánh Hòa thuộc dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia bằng ngân sách nhà nước
67	396/NQ-ĐLKH	Về việc phê duyệt kế hoạch chỉ định thầu Tiểu mục tín hiệu SCADA ngăn MC 131 trạm 110kV Vạn Giã



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Công ty có 02 thành viên HĐQT độc lập không điều hành là Ông Nguyễn Thanh Bình và Ông Dương Như Hùng. Trong năm, mỗi thành viên có các hoạt động như sau:

Các hoạt động của Ông Nguyễn Thanh Bình

Trong hoạt động quản trị Công ty, Ông đã tham gia cùng Chủ tịch HĐQT chuyên trách và các thành viên khác đến làm việc trực tiếp cùng các đơn vị trong Công ty để trao đổi, ghi nhận các ý kiến của người lao động. Trên cơ sở đó, tham gia bàn bạc, thảo luận và thống nhất trong HĐQT để ban hành các nghị quyết chỉ đạo Ban TGD triển khai việc hoàn thiện mô hình tổ chức điện lực/các giải pháp giảm tổn thất điện năng/các giải pháp nâng cao độ tin cậy cung cấp điện trên lưới điện Khánh Hòa.

Theo phân công của HĐQT, Ông đã tham gia Tiểu ban hoàn thiện các quy chế quản trị Công ty và đã xem xét, đóng góp nhiều ý kiến quan trọng với ban soạn thảo quy chế trước khi trình HĐQT xem xét, thông qua.

Với vai trò là thành viên HĐQT- Chủ tịch Công đoàn Công ty Ông đã cùng với Ban TGD Công ty chỉ đạo phối hợp triển khai nhiều hoạt động phong trào của người lao động, đạt được những kết quả nổi bật như: tổ chức chiến dịch “Hành lang trắng” với mục tiêu “Đường dây cao, trung áp vận hành an toàn, không có sự cố và tai nạn điện do vi phạm hành lang an toàn lưới điện”, tổ chức Hội thi “Giao tiếp khách hàng giỏi năm 2014” ...

Các hoạt động của Ông Dương Như Hùng

Với vai trò là Trưởng Tiểu ban tiền lương, Ông đã chủ trì xây dựng quy chế trả lương mới cho Công ty; đồng thời Ông cũng theo dõi, đánh giá và hỗ trợ các đơn vị trong Công ty áp dụng quy chế trả lương mới trong năm 2014, giúp cho việc phân phối tiền lương và thu nhập trong Công ty ngày càng khoa học, tiến bộ.

Trong công tác đào tạo về quản trị rủi ro của Công ty, Ông đã thay mặt HĐQT trao đổi, thảo luận với Viện tiêu chuẩn Anh BSI tại Việt Nam trong việc lên kế hoạch giảng dạy, chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty.

Trong thời gian tới, Ông sẽ tiếp tục làm việc với các đối tác để áp dụng các quy trình quản trị rủi ro vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- | | |
|-------------------------|-----------------|
| - Ông Nguyễn Thanh Lâm | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Phạm Sỹ Hùng | Thành viên HĐQT |
| - Ông Trịnh Minh Quang | Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Thanh Bình | Thành viên HĐQT |
| - Ông Dương Như Hùng | Thành viên HĐQT |



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Tô Hiếu Thuận	Trưởng BKS
2	Hồ Thăng Thu	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thành Cử	Thành viên BKS

Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát



Ông Tô Hiếu Thuận

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát Công ty

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ MBA – QTKD Trường Lincoln University USA

Quá trình công tác:

12/2000 – 9/2002	Nhân viên môi giới Công ty CK công thương – CN TP HCM
10/2002 – 2/2003	Trưởng phòng môi giới Công ty CK công thương – CN TP HCM
03/2013 – 6/2004	Phó Phòng kinh doanh Công ty CK công thương – CN TP HCM
07/2004 – 1/2007	Trưởng phòng kinh doanh – tư vấn Công ty CK công thương – CN TP HCM
02/2007 – 3/2007	Phó Giám đốc CN Công ty chứng khoán công thương
04/2007 – 2/2009	Phó Giám đốc CN Công ty chứng khoán công thương – Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa
03/2009 - 2010	Phó TGD kiêm Giám đốc CN TP HCM Công ty CK VNS – Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa
12/2010 – đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư kinh doanh vàng Toàn Cầu, Giám đốc CN Công ty TNHH Thiên Thiên Lộc – Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa
2013 - đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP Cao su An Lợi

Số lượng cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu: 2.400 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ Công ty.



Ông Hồ Thăng Thu

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát Công ty

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

08/1990 – 06/1998	Chuyên viên phòng tài chính kế toán Công ty Điện lực 3
07/1998 – 03/2010	Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty Điện lực 3
4/2010 – 04/2014	Phó Trưởng Ban tài chính kế toán Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
4/2014 – đến nay	Kế toán trưởng Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

Số lượng cổ phần nắm giữ: không có



Ông Nguyễn Thành Cử

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát Công ty

Năm sinh: 1949

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

1975 – 1987	Nhân viên phòng kế toán tài vụ Sở điện lực Phú Khánh
1987 – 1990	Phó Phụ trách Phòng Kế toán tài vụ Sở điện lực Phú Khánh
1990 – 06/2005	Kế toán trưởng Điện lực Khánh Hòa
07/2005 – 8/2009	Kế toán Trưởng Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa
09/2009 – 3/2010	Nghỉ hưu
04/2010 – đến nay	Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần điện lực Khánh Hòa

Số lượng cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu: 53.016 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ Công ty.

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

Thông qua 04 cuộc họp được tổ chức trong năm, Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng của Ban kiểm soát quy định tại Luật Doanh Nghiệp nước Cộng Hòa Xã Chủ Nghĩa Việt Nam và tại Điều lệ Công ty. BKS đã xem qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc điều hành, tham gia trong các cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường, hàng Quý, 06 tháng và cả năm; Kiểm soát báo cáo quyết toán tài chính năm 2014; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã kiểm toán tài chính năm 2014; Kiểm tra định kỳ 2 lần/năm về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2014.

Đánh giá của Ban kiểm soát

Đánh giá của BKS về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty năm 2014

Năm 2014, nền kinh tế trong nước nói chung, hoạt động kinh tế Tỉnh Khánh Hòa nói riêng đã dần ổn định, lạm phát đã được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế GDP tăng 8,55% so với năm 2013, mặc dù lãi suất ngân hàng giảm, thị trường chứng khoán có dấu hiệu phục hồi... Tuy nhiên, các hoạt động sản xuất và thương mại vẫn chưa tăng cao, chi tiêu cho tiêu dùng của người dân hạn chế, hoạt động đầu tư xây dựng của các ngành, các địa phương trong cả nước đều bị giảm sút, do khó khăn về thu nhập và nguồn vốn đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt nam....

Mặc dù vậy, với nỗ lực vượt bậc của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối đồng đều trên tất cả các chỉ tiêu và đạt vượt mức kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra, cụ thể như sau :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	So với kế hoạch	So với năm 2013
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	415.513	415.513	100.00%	100.00%
1.1	Vốn lưu hành	Tỷ đồng	400.513	400.513	100.00%	100.00%
1.2	Cổ phiếu quỹ (*)	Tỷ đồng	15.000	15.000	100.00%	100.00%
2	Kinh doanh điện					
2.1	Điện mua và điện phát	Tr.KWh	1,523.100	1,643.048	107.88%	115.06%
2.2	Tỷ lệ tổn thất điện năng kỹ thuật	%	5.90%	5.80%	-0.10%	-0.13%
2.3	Tỷ lệ tổn thất có tính tổn thất truyền tải hộ	%	6.12%	5.84%	-0.28%	-0.12%
2.4	Điện thương phẩm	Tr.KWh	1,430.000	1,547.060	108.19%	115.21%
2.5	Giá bán điện bình quân	đ/KWh	1,642.00	1,625.92	- 16.08%	27.17
2.6	Doanh thu kinh doanh điện	Tỷ đồng		2,544.631		118.29%
2.7	Chi phí kinh doanh điện	Tỷ đồng		2,489.861		117.96%
2.8	LN kinh doanh điện trước thuế	Tỷ đồng		54.771		134.97%
3	Kinh doanh khác					
3.1	Doanh thu kinh doanh khác	Tỷ đồng		188.024		150.33%
3.2	Chi phí kinh doanh khác	Tỷ đồng		153.201		223.68%
3.3	LN kinh doanh khác trước thuế	Tỷ đồng		34.823		61.54%
4	Tiếp nhận tài sản	Tỷ đồng		3.693		977.04%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	74.000	93.287	126.06%	95.63%
6	Thuế TNDN	Tỷ đồng	17.020	24.226	142.34%	104.09%
6.1	Phải nộp	Tỷ đồng		23.092		98.97%
6.2	Điều chỉnh các năm trước	Tỷ đồng		1.134		
7	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	Tỷ đồng				0.00%
8	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	Tỷ đồng	56.980	69.061	121.20%	95.87%
9	Lợi nhuận trong các công ty liên kết	Tỷ đồng		2.011		
10	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng		71.072		98.86%
11	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	%	11%	11%	100%	78.57%

Ghi chú: (*) Giá trị cổ phiếu quỹ được tính trên mệnh giá là 10.000 đồng/CP.

Đánh giá của BKS về tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2014, các quyết định của HĐQT, công tác điều hành của Ban TGD

- ✦ Kinh tế Việt Nam trong năm 2014 với nhiều thách thức lớn với lạm phát đã được kiểm soát tuy nhiên vẫn còn cao đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các công trình trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa triển khai chậm tiến độ hoặc tạm dừng do thiếu vốn đã ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh khác của Công ty như: hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và nhượng bán vật tư... làm doanh thu sụt giảm; thật sự là một vấn đề nan giải đối với Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã vượt qua được những khó khăn, đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, ổn định. Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông giao.
- ✦ Dù gặp nhiều khó khăn, HĐQT với vai trò quản lý, định hướng hoạt động của Công ty đã kịp thời đưa ra nhiều chủ trương, chính sách hợp lý cho từng giai đoạn đã hỗ trợ kịp thời giúp Ban Tổng Giám đốc tập trung phát huy được nội lực, chuyển mạnh phân cấp về các đơn vị trực thuộc, nâng cao vai trò, trách nhiệm của Giám đốc các đơn vị. Đồng thời Công ty cũng đã giao khoán chi phí một cách sát sao, xây dựng các cơ chế tài chính hợp lý kích thích các đơn vị chủ động tìm kiếm các công trình thi công nhằm tăng lợi nhuận cho Công ty và tăng thêm thu nhập cho CBCNV đơn vị. Công ty cũng đã khai thác tối đa các nguồn thu để đầu tư tài chính. Trong công tác đầu tư xây dựng, Công ty không chỉ xem xét cân nhắc về mặt kỹ thuật mà còn tính toán hiệu quả tài chính một cách hợp lý nhất.
- ✦ Thực hiện nghị quyết số 362/NQ-ĐLKH ngày 23/10/2014 của HĐQT Công ty về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5%, Trong tháng 11/2014 Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức đợt 1 năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% (01 cổ phần nhận được 500 đồng). Công ty đã chi trả tạm ứng cổ tức xong trong tháng 11/2014 với số tiền là 20.025.648.000 đồng.

Nhìn chung, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ điều hành công ty một cách trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, theo đúng Pháp luật, đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Các công việc cần triển khai theo Nghị Quyết của HĐQT đều được Ban Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Qua kiểm tra, Ban kiểm soát có thể đánh giá như sau:

- ✦ Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2014 đã được ĐHĐCĐ thông qua đều được thực hiện vượt mức kế hoạch đề ra.
- ✦ Các tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, lao động tiền lương; khung giá vật tư, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ trong công ty đều thực hiện theo đúng các quy định của Công ty đã được HĐQT phê duyệt.
- ✦ Việc ký kết các hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các tổ chức và cá nhân bên ngoài như mua vật tư, thiết bị phục vụ cho SXKD đúng theo quy định của Nhà nước, tất cả hợp đồng mua các thiết bị, vật tư có giá trị lớn đều có sự chào giá cạnh tranh.
- ✦ Triển khai thực hiện công tác đầu tư xây dựng theo đúng các hạng mục công trình đã được HĐQT phê duyệt.

Kiến nghị của BKS

Kiến nghị về hoạt động điều hành, quản lý Công ty

Xây dựng kế hoạch đào tạo mới, đào tạo lại đội ngũ nhân viên, nhân sự chủ chốt, chuyển biến ý thức người lao động tận tâm và có trách nhiệm trong công việc, đào tạo nhân viên mang tính chuyên nghiệp hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cần có chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút thêm những nhân sự có chuyên môn cao, giữ được người giỏi và có chương trình đào tạo các ngành nghề phù hợp đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh doanh đa ngành nghề của Công ty.

Kiến nghị của BKS về tình hình tài chính

- ✦ Có biện pháp để giảm nguồn vật tư hàng tồn kho, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh và tăng vòng quay của vốn lưu động và tăng vòng quay hàng tồn kho.
- ✦ Cần nghiên cứu xây dựng những cơ chế tài chính làm đòn bẩy kích thích các đơn vị khai thác tối đa các tiềm năng trong lĩnh vực dịch vụ điện mà hiện nay vẫn là lợi thế của Công ty.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BĐH VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm

STT	Họ và tên	Tổng thu nhập (VNĐ)
I	Hội đồng quản trị	
1	Trần Đình Nhân	87,847,149
2	Nguyễn Thanh Lâm	649,495,705
3	Phạm Sỹ Hùng	60,000,000
4	Trịnh Minh Quang	133,385,361
5	Nguyễn Thanh Bình	519,142,381
6	Dương Như Hùng	133,385,361
II	Ban kiểm soát	
1	Tô Hiếu Thuận – Trưởng ban	133,385,361
2	Hồ Thăng Thu	107,898,099
3	Nguyễn Thành Cử	107,898,099
III	Ban điều hành	
1	Nguyễn Cao Ký	498.171.172
2	Trần Đăng Hiền	456.021.639
3	Nguyễn Kim Hoàng	416.890.136
4	Đỗ Thanh Sơn	351.459.969
5	Trần Thị Triều Linh	410.419.972



Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số hữu đầu kỳ		Số hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số CP	Tỉ lệ	Số CP	Tỉ lệ	
Nguyễn Thị Mộng Trinh	Em ruột TV BKS Nguyễn Thành Cử	3000	0,007%	0	0%	Bán
Nguyễn Thị Kiều Trang	Em ruột TV BKS Nguyễn Thành Cử	24.012	0,06%	24.012	0,06%	Đăng ký bán 5.000 cổ phiếu nhưng không thực hiện được
HALLEY SICAV-HALLEY ASIAN PROSPERITY	Cổ đông lớn	1.884.000	4,7%	2.010.000	5,02%	Tăng tỷ lệ nắm giữ
HALLEY SICAV-HALLEY ASIAN PROSPERITY	Cổ đông lớn	2.010.000	5,02%	2.685.120	6,7%	Tăng tỷ lệ nắm giữ
HALLEY SICAV-HALLEY ASIAN PROSPERITY	Cổ đông lớn	2.685.120	6,7%	2.817.320	7,03%	Tăng tỷ lệ nắm giữ

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã nỗ lực trong công tác tăng cường chất lượng quản trị Công ty thông qua việc sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế hướng dẫn thực hiện công tác quản trị Công ty:

- ✦ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ;
- ✦ Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty;
- ✦ Quy chế phân cấp giữa HĐQT và Tổng giám đốc Công ty;
- ✦ Quy chế phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



VI. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



THÔNG điệp CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phát triển bền vững là sự lựa chọn cho tương lai

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa xác định mỗi CBCNV trong Công ty cần nhận thức tốt hơn về vấn đề phát triển bền vững để có thể xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh, đồng thời góp phần tạo nên những thay đổi đáng kể cho cộng đồng và xã hội. Với Công ty chúng tôi, phát triển bền vững là sự lựa chọn cho tương lai.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY HƯỚNG TỚI SỰ BỀN VỮNG



Mô hình Quản trị của Công ty được xây dựng dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa một nền tảng cơ cấu quản trị công ty ổn định, vững chắc vận hành theo chuẩn mực quản trị phù hợp với thông lệ quản trị tiên tiến trên thế giới, đồng thời tuân thủ theo quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành hệ thống Quy chế quản trị nội bộ của Công ty như Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế làm việc của HĐQT, Quy chế phân cấp giữa HĐQT và TGD Công ty... Hệ thống Quy chế quản trị này đã tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt giúp kiểm soát và giám sát hoạt động của Công ty một cách minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, lợi ích của khách hàng, của người lao động và cộng đồng.

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa xây dựng chiến lược phát triển bền vững thông qua việc thiết lập mối quan hệ mật thiết giữa ba mục tiêu trọng yếu của Công ty, đó là: Phát triển và tăng trưởng kinh tế bền vững, Cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng, Giảm thiểu tác động gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động của doanh nghiệp.

Tăng trưởng vững chắc về kinh tế

Kể từ khi cổ phần hóa năm 2005 đến nay, các chỉ tiêu kinh tế của Công ty luôn tăng trưởng đều đặn, năm sau cao hơn năm trước, giúp Công ty phát triển bền vững và ổn định. Có thể điểm qua một số chỉ tiêu chính trong giai đoạn từ năm 2010-2014 như sau:

Về điện thương phẩm, tổng sản lượng điện thương phẩm từ 2010 đến 2014 đạt 6,524 tỷ kWh với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 9,3%. Giá bán điện bình quân có tỷ lệ tăng trưởng hàng năm từ 2010 đến 2014 là 140,37 đồng. Tổng doanh thu bán điện từ năm 2010 đến năm 2014 là 9.024 tỷ đồng, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 22,36%. Tổng vốn đầu tư trong 5 năm đạt 771,6 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận sau thuế các năm từ 2010 đến 2014 là 382,594 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng bình quân hàng năm cho chỉ tiêu này là 21,73%. Từ năm 2012 đến 2014 Công ty đã tiết kiệm được 64,7 triệu kWh điện. Tỷ lệ tổn thất điện năng qua trong các năm từ 2010 đến 2014 giảm trung bình hàng năm là 0,18%, độ tin cậy cung cấp điện được nâng cao. Bên cạnh đó, tính đến năm 2014 Công ty đã liên tục hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách 24 năm liền.

Trong năm 2014 vừa qua, tiếp nối thành tích phát triển kinh tế vững chắc trong quá trình 10 năm phát triển kể từ khi cổ phần hóa đến nay, Công ty đã tiếp tục đóng góp cho cổ đông, người lao động và khách hàng; đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư, hoàn thành trách nhiệm tài chính với Nhà nước và đóng góp cho cộng đồng những giá trị cơ bản sau:

Cổ đông	: cổ tức 56,07 tỷ đồng
Nhà nước	: tiền thuế nộp ngân sách nhà nước 58,77 tỷ đồng
Người lao động	: tổng quỹ tiền lương 167,7 tỷ đồng
Khách hàng	: tổng doanh thu 2.683 tỷ đồng
Cộng đồng	: 425,5 triệu đồng

Tối ưu hóa để phát triển bền vững

Trong năm 2014, thực hiện định hướng chung của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về tối ưu hóa chi phí để phát triển bền vững, Công ty đã triển khai áp dụng các giải pháp tối ưu hóa chi phí theo 5 chỉ tiêu: Giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh; Tăng hiệu quả sử dụng vốn; Vận hành hệ thống điện an toàn, ổn định, tin cậy; Nâng cao hiệu quả sử dụng lao động và Tối ưu hóa chi phí trong đầu tư xây dựng. Các giải pháp trên đã phát huy tác dụng tích cực, giúp Công ty đạt vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu đề ra trong năm 2014.

Trong năm 2015 và các năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục triển khai các giải pháp tối ưu hóa chi phí nêu trên, đồng thời Công ty sẽ xây dựng phương án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và nâng cao năng suất lao động áp dụng cho tất cả các mặt hoạt động trong Công ty, giúp cho sự phát triển của Công ty ngày càng ổn định và bền vững.

Cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng

Trách nhiệm với người lao động

Công ty luôn xác định con người là yếu tố quyết định thành công trong sản xuất kinh doanh, những năm qua Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực, thường xuyên tổ chức và cử cán bộ, công nhân viên tham gia các khóa học đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn do ngành điện và các trường đại học tổ chức. Công ty đã thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động nên trong các năm qua không để xảy ra tai nạn nghiêm trọng nào. Công ty luôn chăm lo cho CBCNV cả về vật chất và tinh thần, thu nhập của CBCNV được đảm bảo ổn định và tăng trưởng từ 10 đến 15%/năm. Người lao động yêu ngành, yêu nghề, gắn bó với Công ty, tạo nên môi trường và không khí lao động lành mạnh, lạc quan và tin tưởng vào sự phát triển bền vững của Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm với khách hàng

Bên cạnh hệ thống lưới điện ở khu vực thành thị có chất lượng vận hành an toàn và ổn định, đối với hệ thống điện nông thôn, sau khi cổ phần hóa, Công ty đã tập trung đầu tư cải tạo, sửa chữa hệ thống lưới điện. Hằng năm, Công ty đầu tư từ 10 đến 15 tỉ đồng để cải tạo, sửa chữa lưới điện nông thôn cũ và phát triển mở rộng các khu vực có nhu cầu bức xúc về điện. Đến nay, cơ bản lưới điện khu vực nông thôn đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật vận hành an toàn. Công ty đã và đang triển khai chương trình phủ điện lôm trên địa bàn nông thôn với tổng mức đầu tư trên 100 tỉ đồng trong giai đoạn 2010-2015 để cải tạo và nâng cao chất lượng vận hành của toàn bộ lưới điện nông thôn hiện hành.

Trách nhiệm với xã hội

Công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác từ thiện, xã hội luôn được Công ty chú trọng và quan tâm đúng mức. Tổng số tiền Công ty ủng hộ các hoạt động từ thiện xã hội trong 5 năm từ 2010 đến 2014 của Công ty đạt trên 1,5 tỷ đồng, bao gồm các hoạt động và phong trào từ thiện xã hội do tỉnh và ngành phát động, trong đó có các hoạt động lớn như hỗ trợ các huyện nghèo của tỉnh, ủng hộ miền Trung khắc phục hậu quả lũ lụt, ủng hộ các quỹ xây dựng Trường Sa.

Giảm thiểu tác động gây ô nhiễm môi trường

Tiết kiệm nguồn năng lượng

Thực hiện chương trình sử dụng tiết kiệm điện, trong năm 2014, với kế hoạch tiết kiệm điện là 21.450.000 kWh Công ty đã thực hiện được 24.677.100 kWh nhiều hơn so với kế hoạch là 3.227.100 kWh. Tiết kiệm được 1,6% sản lượng thương phẩm của Công ty năm 2014.

Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông giảm thiểu nguồn năng lượng sử dụng

Công ty yêu cầu các đơn vị triển khai chương trình tối ưu hóa chi phí, giảm chi phí quản lý thông qua việc giảm lượng giấy in văn bản/tài liệu, chỉ in những văn bản tài liệu quan trọng cần lưu trữ với số lượng tối thiểu cần thiết, các văn bản tài liệu được gửi chủ yếu qua chương trình quản lý công việc (E-Office); tăng cường các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào các hoạt động của doanh nghiệp như tăng cường sử dụng cầu truyền hình để tổ chức các cuộc họp giao ban, các hội nghị trực tuyến thay vì tổ chức các cuộc họp thông thường.

Cam kết bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, Công ty luôn chủ động tham gia tích cực và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, các nội dung công tác bảo vệ môi trường trong thời gian qua Công ty đã thực hiện là:

- ✦ Lập đề án bảo vệ môi trường, xây dựng các kho chứa chất thải nguy hại, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động.
- ✦ Lập bản cam kết bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư xây dựng, lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho các đường dây và các TBA 110kV theo quy định của nhà nước.
- ✦ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải từ quá trình xử lý bề mặt kim loại chứa nhiều kim loại nặng tại Xí nghiệp Cơ điện-Thí nghiệm trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; Đo quan trắc môi trường tại các Điện lực và TBA 110kV 2 lần/năm.
- ✦ Thực hiện trách nhiệm xã hội của Công ty bằng cách tham gia nhiều hoạt động xã hội, từ thiện tại địa phương và trong cả nước; xây dựng hình ảnh Công ty thân thiện, vì cộng đồng, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.



VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



+ 3542.55
+ 1352.14
+ 2100.36
+ 854.94
=====

38992.44

=====

30589.68

Số: 800 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015, từ trang 03 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Trần Tùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1941-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		682.126.868.171	614.220.580.073
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	161.054.989.482	220.557.579.824
1. Tiền	111		12.456.858.468	15.427.634.784
2. Các khoản tương đương tiền	112		148.598.131.014	205.129.945.040
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	377.657.255.556	232.008.929.500
1. Đầu tư ngắn hạn	121		377.657.255.556	232.008.929.500
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.019.001.133	50.189.340.616
1. Phải thu khách hàng	131		34.118.462.023	36.382.212.032
2. Trả trước cho người bán	132		21.806.827.291	14.224.667.338
3. Các khoản phải thu khác	135		8.874.363.268	5.191.546.553
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.780.651.449)	(5.609.085.307)
IV. Hàng tồn kho	140	7	83.532.526.716	103.496.021.602
1. Hàng tồn kho	141		83.704.980.531	104.237.272.501
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(172.453.815)	(741.250.899)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		863.095.284	7.968.708.531
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.820.071	4.582.663.512
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	16.002.200	2.261.502.124
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		844.273.013	1.124.542.895
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		627.953.164.987	550.738.871.888
I. Tài sản cố định	220		553.136.582.373	495.579.692.199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	518.197.759.985	473.137.201.333
- Nguyên giá	222		1.662.994.083.058	1.515.389.319.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.144.796.323.073)	(1.042.252.118.403)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.177.108.482	1.822.027.599
- Nguyên giá	228		3.664.591.951	3.626.842.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.487.483.469)	(1.804.814.544)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	33.761.713.906	20.620.463.267
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		60.195.756.483	34.535.377.440
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	7.641.665.918	5.630.628.542
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	64.889.000.000	41.239.658.333
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(12.334.909.435)	(12.334.909.435)
III. Tài sản dài hạn khác	260		14.620.826.131	20.623.802.249
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	14.620.826.131	20.623.802.249
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.310.080.033.158	1.164.959.451.961

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		754.113.082.979	613.759.440.154
I. Nợ ngắn hạn	310		511.787.080.864	383.988.836.364
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	128.545.396.793	52.005.268.236
2. Phải trả người bán	312		244.012.147.975	215.319.650.245
3. Người mua trả tiền trước	313		25.454.108.188	42.609.080.570
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.089.396.156	36.751.767
5. Phải trả người lao động	315		68.684.871.433	27.350.313.949
6. Chi phí phải trả	316	16	21.319.352.466	22.540.466.737
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	9.997.615.187	11.887.375.643
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.684.192.666	12.239.929.217
II. Nợ dài hạn	330		242.326.002.115	229.770.603.790
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	229.191.513.127	223.313.233.870
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		13.134.488.988	6.457.369.920
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		552.021.428.707	547.254.490.335
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	552.021.428.707	547.254.490.335
1. Vốn điều lệ	411		415.512.960.000	415.512.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(470.673.364)	(470.673.364)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		27.343.428.181	24.070.260.409
4. Cổ phiếu quỹ	414		(11.173.978.888)	(11.173.978.888)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		29.630.317.295	29.630.317.295
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		24.204.444.929	20.915.040.381
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		66.974.930.554	68.770.564.502
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		3.945.521.472	3.945.521.472
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		1.310.080.033.158	1.164.959.451.961

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập



Phan Thị Vân Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Triều Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cao Kỳ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	2.682.934.144.964	2.241.712.227.238
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.682.934.144.964	2.241.712.227.238
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	2.483.064.702.292	2.063.911.557.466
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		199.869.442.672	177.800.669.772
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	40.432.111.304	28.119.143.866
7. Chi phí tài chính	22	25	12.353.597.438	7.121.451.094
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.935.708.241	9.430.574.684
8. Chi phí bán hàng	24		83.021.947.389	63.957.573.843
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		41.270.265.532	43.004.902.788
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		103.655.743.617	91.835.885.913
11. Thu nhập khác	31	26	12.982.606.546	6.902.739.466
12. Chi phí khác	32	27	23.350.886.920	1.193.345.535
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(10.368.280.374)	5.709.393.931
14. Lợi nhuận/(Lỗ) trong công ty liên kết	45		2.011.037.376	(146.240.791)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		95.298.500.619	97.399.039.053
15.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	24.226.204.512	23.273.307.240
15.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	2.236.767.489
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		71.072.296.107	71.888.964.324
16.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
16.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		71.072.296.107	71.888.964.324
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.693	1.766

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập



Phan Thị Vân Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Triều Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cao Kỳ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	95.298.500.619	97.399.039.053
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	109.083.600.090	108.033.520.598
Các khoản dự phòng	03	(397.230.942)	(3.706.157.173)
Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.013.550.069	1.090.559.186
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(38.812.204.638)	(30.467.786.506)
Chi phí lãi vay	06	9.935.708.241	9.430.574.684
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	176.121.923.439	181.779.749.842
Thay đổi các khoản phải thu	09	3.400.791.967	9.601.895.328
Thay đổi hàng tồn kho	10	20.532.291.970	(44.181.775.674)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	18.596.494.962	41.411.479.409
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	6.002.976.118	(15.793.215.939)
Tiền lãi vay đã trả	13	(10.218.588.279)	(9.940.932.275)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21.934.278.367)	(33.500.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	219.309.000	25.640.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.359.824.619)	(16.485.740.113)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	182.361.096.191	112.917.100.578
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(139.433.498.488)	(83.959.211.839)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	5.349.044.590	4.564.278.789
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(368.840.000.000)	(202.725.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	203.525.000.000	4.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.000.000.000)	(826.000.000)
6. Lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	33.403.208.549	26.875.573.194
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	(268.996.245.349)	(251.470.359.856)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.019.309.090.201	484.472.165.226
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(936.104.744.985)	(462.949.345.925)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(56.071.786.400)	(56.069.064.100)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>27.132.558.816</i>	<i>(34.546.244.799)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(59.502.590.342)	(173.099.504.077)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	220.557.579.824	393.657.083.901
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	161.054.989.482	220.557.579.824

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập



Phan Thị Vân Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Triều Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cao Kỳ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Điện lực Khánh Hòa - Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 06 tháng 12 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa và chuyển Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2005.

Theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa sẽ được chuyển về Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi là 415.512.960.000 VND, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51,53%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 48,47%.

Trụ sở chính của Công ty tại số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.171 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.174 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 số 4200601069 ngày 03 tháng 6 năm 2014, bao gồm các hoạt động sau:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng. Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các nhà máy điện diesel, máy phát điện diesel. Xây lắp các công trình điện, lưới điện và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV và các công trình viễn thông;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện;
- Kinh doanh thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh thương mại, thiết bị và phần mềm máy vi tính;
- Đại lý bán hàng vật tư, thiết bị điện;
- Dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng, kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng và internet;
- Vận chuyển hàng hóa;
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến dưới 110KV cấp 2, nhà máy điện cấp 4. Thử nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110KV. Kiểm định công tơ điện;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí (trừ máy móc, thiết bị); và
- Đại lý bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Công ty con**

Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	Số 12A Yersin, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	56,88	56,88	Sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; Kinh doanh vật tư, thiết bị điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với hàng tồn kho sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và phương pháp thực tế đích danh đối với hàng tồn kho sử dụng cho hoạt động xây dựng cơ bản. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các công trình hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng nhưng chưa được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao hoặc theo giá dự toán. Khi công trình được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2014</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 30
Dụng cụ quản lý, tài sản khác	3 - 25

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10 triệu VND được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 1 năm. Các công cụ, dụng cụ có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian 24 tháng kể từ ngày xuất dùng.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc công ty đã thay đổi phương pháp phân bổ một số công cụ dụng cụ, theo đó các công cụ dụng cụ này sẽ được phân bổ 50% giá trị vào năm phát sinh và 50% trong năm tiếp theo (năm 2013: phân bổ đều 24 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng), dẫn tới chi phí được phân bổ trong năm tăng lên khoảng 14 tỷ VND. Ban giám đốc đánh giá việc thay đổi ước tính kế toán này nhằm phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng thực tế các công cụ dụng cụ trong năm hiện hành và các năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nguồn vốn - quỹ

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi là 415.512.960.000 VND.

Các quỹ khác bao gồm Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi... Việc trích lập các quỹ này do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	539.054.303	1.140.224.196
Tiền gửi ngân hàng	11.917.804.165	14.287.410.588
Các khoản tương đương tiền (i)	148.598.131.014	205.129.945.040
	<u>161.054.989.482</u>	<u>220.557.579.824</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời hạn dưới 3 tháng. Lãi dự thu từ một số hợp đồng chủ yếu có ngày đáo hạn trước ngày lập báo cáo tài chính này được ước tính dựa trên lãi suất của hợp đồng. Các hợp đồng còn lại, Công ty sử dụng lãi suất tương đương của các khoản tiền gửi không kỳ hạn do Công ty chưa chắc chắn sẽ tiếp tục duy trì khoản tiền gửi đến khi khoản tiền gửi được đáo hạn.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Sài Gòn Vina	-	15.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng (i)	377.657.255.556	217.008.929.500
	<u>377.657.255.556</u>	<u>232.008.929.500</u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại cổ phần với thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng.

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	37.256.685.540	39.982.487.797
Công cụ, dụng cụ	3.507.840.930	2.680.417.066
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.940.454.061	61.574.367.638
Cộng	<u>83.704.980.531</u>	<u>104.237.272.501</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(172.453.815)	(741.250.899)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>83.532.526.716</u>	<u>103.496.021.602</u>

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.093.685.224
Các loại thuế khác	16.002.200	167.816.900
	<u>16.002.200</u>	<u>2.261.502.124</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	67.133.264.013	521.272.445.410	915.939.700.774	7.626.444.184	3.417.465.355	1.515.389.319.736
Mua sắm mới	464.287.220	9.985.538.873	24.456.765.848	1.139.545.454	-	36.046.137.395
Đầu tư XDCB hoàn thành	12.666.489.649	49.453.974.455	52.324.552.375	(206.321.800)	929.045.624	115.167.740.303
Tăng khác	-	1.323.983.492	2.987.316.919	-	-	4.311.300.411
Thanh lý	(2.450.099.396)	(3.188.157.484)	(1.657.693.254)	(117.365.000)	-	(7.413.315.134)
Giảm khác	(92.000.000)	-	(415.099.653)	-	-	(507.099.653)
Tại ngày 31/12/2014	77.721.941.486	578.847.784.746	993.635.543.009	8.442.302.838	4.346.510.979	1.662.994.083.058
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	26.917.525.039	330.379.995.120	679.673.158.854	4.296.405.377	985.034.013	1.042.252.118.403
Trích khấu hao trong năm	4.476.601.951	45.410.465.811	56.665.628.388	1.531.446.477	320.088.523	108.404.231.150
Tăng khác	-	93.471.814	104.905.759	-	-	198.377.573
Thanh lý	(1.686.661.935)	(2.615.495.481)	(1.533.975.878)	(117.365.000)	-	(5.953.498.294)
Giảm khác	(178.889)	(104.726.870)	-	-	-	(104.905.759)
Tại ngày 31/12/2014	29.707.286.166	373.163.710.394	734.909.717.123	5.710.486.854	1.305.122.536	1.144.796.323.073
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	40.215.738.974	190.892.450.290	236.266.541.920	3.330.038.807	2.432.431.342	473.137.201.333
Tại ngày 31/12/2014	48.014.655.320	205.684.074.352	258.725.825.886	2.731.815.984	3.041.388.443	518.197.759.985

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, một số tài sản bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 41.373.774.742 VND (31 tháng 12 năm 2013: 65.543.541.465 VND) được sử dụng để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Trong năm, Công ty đã ghi tăng nguyên giá một số tài sản hết khấu hao tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 do các tài sản này được đầu tư thêm nhằm cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của những tài sản đó. Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 335.762.254.292 VND (31 tháng 12 năm 2013: 486.403.350.328 VND).

Bao gồm, 2.145.402.132 VND là nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại khu đất số 28E Trần Phú, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang được thu hồi theo Quyết định số 3745/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Đến ngày lập báo cáo này, Công ty chưa hoàn tất việc bàn giao mặt bằng, và Công ty đang trong quá trình chờ phê duyệt kinh phí đi dời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	20.620.463.267	34.420.703.202
Tăng trong năm	159.658.490.218	115.386.669.201
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(115.167.740.303)	(95.324.555.589)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(37.749.808)	(1.800.000.000)
Chi phí sửa chữa lớn hoàn thành trong năm	(31.311.749.468)	(32.062.353.547)
Tại ngày 31 tháng 12	33.761.713.906	20.620.463.267

Chi tiết theo công trình:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công trình thủy điện sông Chò	11.595.042.195	11.220.171.295
Trung tâm điều hành Công ty	8.828.350.044	-
Các công trình xây dựng cơ bản	13.338.321.667	9.400.291.972
	33.761.713.906	20.620.463.267

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	4.650.000.000	4.650.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	2.991.665.918	980.628.542
	7.641.665.918	5.630.628.542

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Khánh Hòa	31	31	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	36.161.877.918	39.318.641.164
Tổng công nợ	10.202.306.915	18.119.568.023
Tài sản thuần	25.959.571.003	21.199.073.141
	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Doanh thu	69.974.595.813	41.455.075.526
Lợi nhuận thuần	7.334.447.919	2.112.700.057

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	9.975.000.000	6.975.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện VINASINO	-	5.775.000.000
Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần (*)	36.164.000.000	739.658.333
	<u>64.889.000.000</u>	<u>41.239.658.333</u>
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin	(12.334.909.435)	(12.334.909.435)
Cộng	<u>(12.334.909.435)</u>	<u>(12.334.909.435)</u>

(*) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	20.623.802.249	4.830.586.310
Tăng trong năm	29.734.577.960	28.928.804.937
Phân bổ vào chi phí trong năm	(35.737.554.078)	(13.135.588.998)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>14.620.826.131</u>	<u>20.623.802.249</u>

Chi tiết theo hạng mục:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí công tơ cháy hỏng thay thế định kỳ	12.031.549.952	15.137.187.517
Công tơ phát triển mới	1.444.880.112	1.087.793.599
Công cụ dụng cụ	938.862.527	3.179.376.836
Chi phí trả trước dài hạn khác	205.533.540	1.219.444.297
	<u>14.620.826.131</u>	<u>20.623.802.249</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn:	81.265.000.000	19.000.000.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội</i>		<i>19.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa</i> (1)	<i>60.000.000.000</i>	-
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa</i> (2)	<i>21.265.000.000</i>	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 18)	47.280.396.793	33.005.268.236
	<u>128.545.396.793</u>	<u>52.005.268.236</u>

- (1) Vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng số 205/HĐTD/KHDN ngày 25 tháng 8 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất 4%/năm và là khoản vay tín chấp, có thời hạn 04 tuần kể từ ngày rút vốn để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.
- (2) Vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng số 0328/14/TD/VII ngày 24 tháng 12 năm 2014. Khoản vay chịu lãi suất 4%/năm và là khoản vay được đảm bảo bằng cầm cố các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, có thời hạn 01 tháng kể từ ngày rút vốn để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.061.362.643	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	198.240.921	-
Thuế thu nhập cá nhân	829.792.592	36.497.967
Khác	-	253.800
	<u>2.089.396.156</u>	<u>36.751.767</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	979.750.959	1.262.630.997
Tiền thuê đất	17.699.776.353	20.563.415.446
Khác	2.639.825.154	714.420.294
	<u>21.319.352.466</u>	<u>22.540.466.737</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư tiền thuê đất 17.699.776.353 VND là chi phí thuê lô đất 28E Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa qua các năm đến 31 tháng 12 năm 2013 Công ty đã ghi nhận trích trước. Trong năm, Công ty đã điều chỉnh giảm 2.342 triệu đồng tiền thuê đất của các Trạm biến áp và Nhà điều hành theo kết quả Kiểm toán nhà nước ngày 18 tháng 8 năm 2014.

Ngày 05 tháng 12 năm 2013, UBND Tỉnh Khánh Hòa đã có Công văn số 702/UBND-KH về việc di dời các cơ sở của Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa ra khỏi khu đất 28E Trần Phú. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, UBND Tỉnh Khánh Hòa đã ra quyết định số 3745/QĐ-UBND về việc thu hồi lô đất này để phục vụ mục đích khác. Theo đó, Công ty sẽ phải bàn giao lại cho UBND lô đất trong năm 2015. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty đã có biên bản thu hồi đất trên thực địa ký ngày 19 tháng 01 năm 2015 giữa Công ty với các bên liên quan. Công ty chưa nhận được thông báo về chi phí thuê lô đất từ Cục Thuế Tỉnh Khánh Hòa, và Công ty đang chờ phê duyệt phương án di dời, hỗ trợ kinh phí di dời từ các cơ quan Nhà nước. Do đó, Công ty không thực hiện ước tính và ghi nhận chi phí thuê đất của lô đất này trong năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT	88.214.738	352.504.356
Nhận tiền đặt cọc mua điện kế	7.113.644.590	5.405.934.946
Các khoản phải trả khác	2.795.755.859	6.128.936.341
	<u>9.997.615.187</u>	<u>11.887.375.643</u>

Tiền cược đặt điện kế là số tiền khách hàng ký cược ngắn hạn cho Công ty để được sử dụng điện kế. Số tiền này sẽ hoàn trả lại cho khách hàng khi khách hàng không sử dụng dịch vụ của Công ty.

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

		<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
		VND	VND
Vay dài hạn		157.614.928.366	146.002.021.408
<u>Đường dây và trạm 110KV</u>			
Trạm 110KV Bình Tân và nhánh rẽ	(1)	4.261.097.880	6.061.097.880
Trạm 110KV Nha Trang	(2)	1.108.095.254	3.159.135.820
Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới	(3)	23.324.209.328	24.771.794.271
<u>Các khoản vay khác</u>			
<i>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</i>			
Lưới điện thành phố Nha Trang	(4)	3.056.740.645	9.043.694.419
Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối thị trấn Diên Khánh	(5)	11.586.506.772	10.496.293.679
Trạm biến áp 110KV Ninh Thủy và nhánh rẽ	(6)	34.381.212.737	33.906.824.868
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam</i>			
Phù điện khu vực vùng lõm, vùng trắng	(7)	4.168.410.712	6.352.750.445
Trạm biến áp 110KV Nam Cam Ranh	(8)	-	1.210.764.800
<i>Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa</i>			
Phù điện khu vực vùng lõm, vùng trắng	(9)	2.080.000.000	3.460.000.000
Cải tạo LĐ15kV E Vạn Giã cấp điện Khu Kinh tế Vân Phong	(10)	3.154.700.000	4.618.700.000
Cải tạo lưới 15KV sau F2B & F2C lên 22KV đấu nối TBA 110KV Ninh Thủy	(11)	988.082.000	1.498.082.000
Xây dựng mới XT 374-E27	(12)	2.540.986.000	3.452.986.000
Chống quá tải các TBA 110KV E24, E27, E28 Khánh Hòa	(13)	2.963.657.000	4.091.657.000
Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các Trạm biến áp Khánh Hòa	(14)	14.647.500.000	-
Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các Trạm biến áp Khánh Hòa	(15)	4.000.000.000	-
<i>Ngân hàng An Bình</i>			
TBA 110KV Bán đảo Cam Ranh và nhánh rẽ	(16)	19.500.000.000	25.500.000.000
Nhà điều hành Điện lực Diên Khánh - Khánh Vĩnh	(17)	7.000.000.000	5.025.864.101
<i>Ngân hàng Công thương</i>			
Nhà điều hành Điện lực Cam Lâm	(18)	5.457.730.038	3.352.376.125
Nhà điều hành Điện lực Ninh Hòa	(19)	1.200.000.000	-
Nhà điều hành ĐL Cam Ranh - Khánh Sơn	(20)	1.196.000.000	-
Trung tâm điều hành Điện lực và kinh doanh	(21)	11.000.000.000	-
		<u>157.614.928.366</u>	<u>146.002.021.408</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nợ dài hạn	118.856.981.554	110.316.480.698
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	14.876.401.124	18.663.405.103
Công ty Địa chính Khánh Hòa (22)	15.835.192.682	15.835.192.682
Công ty TNHH Long Phú	1.881.366.670	2.257.639.999
Công ty Cổ phần An Viên (23)	15.643.502.000	15.643.502.000
Ban Quản lý Dự án các công trình trọng điểm Khánh Hòa (24)	9.261.677.616	11.698.961.191
Ban quản lý Dự án các công trình Xây dựng Nha Trang		
Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hoà (26)	4.900.304.558	3.738.199.000
Ủy ban Nhân dân huyện Diên Khánh (27)	2.655.132.864	2.281.671.000
Ban quản lý các công trình xây dựng Cam Ranh (28)	12.217.381.000	-
Các đối tượng khác (29)	35.132.007.332	31.958.740.723
	276.471.909.920	256.318.502.106
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	47.280.396.793	33.005.268.236
Trong đó: <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>33.118.291.351</i>	<i>29.350.532.371</i>
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>14.162.105.442</i>	<i>3.654.735.865</i>
Số phải trả sau 12 tháng	229.191.513.127	223.313.233.870

- (1) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay từ Ngân hàng Công thương Việt Nam để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 12.927.243.309 VND và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 9 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biến 3,2%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (2) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 737.828,59 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 7,5 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất 6,9%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (3) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 1.510.525,89 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 19 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả trong 36 kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2010 và chịu lãi suất 1%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (4) Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) cho dự án “Lưới điện thành phố Nha Trang”, lãi suất vay là 6,9%/năm.
- (5) Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) cho dự án “Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối thị trấn Diên Khánh”, với lãi suất 6,82%/năm.
- (6) Hợp đồng cho vay lại từ Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới (Hiệp định 7867-VN) thuộc chương trình “Hỗ trợ phát triển chính sách cải cách ngành điện giai đoạn 1- DPL1”. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư Công trình Trạm biến áp 110KV Ninh Thủy và nhánh rẽ theo danh mục dự án sử dụng vốn của Khoản chương trình đã được Bộ Công thương phê duyệt. Khoản vay trị giá 1.608.094,47 USD và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 25 năm kể từ năm 2010, bao gồm 10 năm ân hạn. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 05 tháng 02 năm 2021, khoản vay chịu lãi suất LIBOR của đồng USD cộng khoản chênh lệch biến đổi. Khoản chênh lệch biến đổi sẽ được xem xét định kỳ điều chỉnh vào ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (7) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Phủ điện khu vực vùng lõm, vùng trắng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 18.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (8) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Trạm biến áp 110KV Nam Cam Ranh". Khoản vay này có hạn mức 16.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 57 tháng kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 54 tháng từ tháng 01 năm 2012 và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Ngày 19 tháng 11 năm 2014 hợp đồng này đã được thanh toán hết.
- (9) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Phủ điện khu vực vùng lõm, vùng trắng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 7.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 01 năm 2012 và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (10) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Cải tạo lưới điện 15KV E Vạn Giã cấp điện Khu kinh tế Vân Phong". Khoản vay này có hạn mức 8.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (11) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Cải tạo lưới 15KV sau F2B & F2C lên 22KV đầu nối Trạm biến áp 110KV Ninh Thủy". Khoản vay này có hạn mức 2.800.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (12) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Xây dựng mới xuất tuyến 374-E27". Khoản vay này có hạn mức 5.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (13) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nâng cao năng lực điện khu vực Khánh Vĩnh". Khoản vay này có hạn mức 6.200.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (14) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Chống quá tải các Trạm biến áp 110KV E24, E27, E28 Khánh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 18.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 44 tháng kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2014. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 40 tháng từ tháng 12 năm 2014 và chịu lãi suất 9,04%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (15) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các Trạm biến áp phân phối tỉnh Khánh Hòa năm 2014". Khoản vay này có hạn mức 8.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 36 tháng kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2014. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 33 tháng từ tháng 4 năm 2014 và chịu lãi suất 8,29%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (16) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Trạm biến áp 110KV bán đảo Cam Ranh và nhánh rẽ". Khoản vay này có hạn mức 30.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 60 tháng kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2013. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 4 năm 2013 và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 3%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 20 tháng 10 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 9,5%/năm.
- (17) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Diên Khánh - Khánh Vĩnh". Khoản vay này có hạn mức 7.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi số 143.13/HĐTĐ-ABBKH với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2013. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 01 năm 2015. Lãi suất năm đầu tiên là 10%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 08 tháng 10 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 9,4%/năm.
- (18) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Cam Lâm". Khoản vay này có hạn mức 6.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 120 tháng kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2013. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 7 năm 2014. Lãi suất năm đầu tiên là 10%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 20 tháng 10 năm 2014, lãi suất còn 9,5%/năm.
- (19) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Ninh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 3.500.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 120 tháng kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2014. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 11 năm 2015. Lãi suất năm đầu tiên là 8,5%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (20) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Cam Ranh - Khánh Sơn". Khoản vay này có hạn mức 3.500.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 120 tháng kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2014. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 11 năm 2015. Lãi suất năm đầu tiên là 8,5%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (21) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Trung tâm điều hành Điện lực và kinh doanh". Khoản vay này có hạn mức 125.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 240 tháng kể từ ngày 30 tháng 09 năm 2014. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 6 năm 2016. Lãi suất 6 tháng đầu tiên là 8,5%/năm. Lãi suất các thời hạn tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (22) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Lưới điện Khu đô thị mới Vĩnh Hòa nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khánh Hòa (trước đây là Công ty Địa chính Khánh Hòa). Khoản nhận nợ này sẽ được trả đều trong 20 năm kể từ ngày có ít nhất được 20% phụ tải và không chịu lãi suất.
- (23) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện ngầm trung, hạ áp và các trạm biến áp khu đô thị biển An Viên nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần An Viên theo Biên bản bàn giao công trình ngày 01 tháng 10 năm 2011. Khoản nhận nợ này không chịu lãi suất và chưa xác định lịch trả nợ chi tiết tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (24) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống cung cấp nguồn điện phần còn lại của đường Nguyễn Tất Thành nhận từ Ban Quản lý Dự án các Công trình trọng điểm Khánh Hòa. Khoản nhận nợ này được trả trong 10 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 và không chịu lãi suất.
- (25) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện trung hạ áp và trạm biến áp Cấp điện sinh hoạt Khu dân cư Đất Lành thuộc dự án Khu dân cư Đất Lành nhận từ Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng Nha Trang. Khoản nhận nợ này được trả trong 10 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2011 và không chịu lãi suất.
- (26) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hạng mục Xây lắp cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng thuộc Công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Hòn Đò và Khu tái định cư Vĩnh Trường nhận bàn giao từ Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Khánh Hòa. Khoản nhận nợ này không chịu lãi suất và được trả trong 10 năm kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2012 đối với Khu tái định cư Hòn Đò và 12 tháng 8 năm 2013 đối với khu TĐC Vĩnh Trường.
- (27) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện trung áp 22kV vùng nguyên liệu mía Diên Khánh nhận bàn giao từ Ủy ban Nhân dân Huyện Diên Khánh. Khoản nhận nợ này được trả trong 10 năm kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2012 và không chịu lãi suất.
- (28) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Lưới điện phủ điện Thôn Bình Hưng Xã Cam Bình, Cam Ranh nhận bàn giao từ Ban Quản lý các công trình xây dựng Cam Ranh. Khoản nhận nợ này được trả trong 10 năm kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2013 và không chịu lãi suất.
- (29) Khoản nợ dài hạn tương ứng với các tài sản thuộc lưới trung, hạ áp nhận bàn giao từ các cơ quan Nhà nước và các đơn vị khác trong địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trong đó :Các khoản nhận nợ không chịu lãi suất và được trả trong 10 năm đối với các khoản nhận nợ từ các cơ quan Nhà nước là 25.104.904.108 đồng; các khoản nhận nợ từ các đơn vị khác không chịu lãi suất và chưa xác định lịch trả nợ chi tiết tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là 10.027.103.224 VND.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	47.280.396.793	33.005.268.236
Trong năm thứ hai	42.029.186.765	32.170.437.626
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	82.646.648.204	71.751.562.584
Sau năm năm	104.515.678.158	119.391.233.660
	276.471.909.920	256.318.502.106
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	47.280.396.793	33.005.268.236
Số phải trả sau 12 tháng	229.191.513.127	223.313.233.870

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2013	415.512.960.000	(470.673.364)	22.926.163.891	(11.173.978.888)	19.710.421.391	17.261.561.837	80.880.098.917	544.646.553.784									
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	71.888.964.324										
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	(1.144.096.518)										
Tăng vốn khác	-	-	1.144.096.518	-	-	-	(13.573.374.448)										
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	9.919.895.904	3.653.478.544	-										
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-										
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(13.209.213.373)										
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(56.071.814.400)										
Tại ngày 01/01/2014	415.512.960.000	(470.673.364)	24.070.260.409	(11.173.978.888)	29.630.317.295	20.915.040.381	68.770.564.502	547.254.490.335									
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	71.072.296.107										
Tăng vốn khác (3)	-	-	3.273.167.772	-	-	-	(3.273.167.772)										
Trích quỹ từ lợi nhuận (1)	-	-	-	-	-	3.289.404.548	-										
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	-	(10.233.543.335)										
Chia cổ tức (1)	-	-	-	-	-	-	(56.071.814.400)										
Tại ngày 31/12/2014	415.512.960.000	(470.673.364)	27.343.428.181	(11.173.978.888)	29.630.317.295	24.204.444.929	66.974.930.554	552.021.428.707									

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 ngày 27 tháng 6 năm 2014, Công ty quyết định:

- Thông qua mức chia cổ tức năm 2013 là 14% trên vốn điều lệ và thông qua việc chia cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ là 9% (Đợt 1 đã được trả vào năm 2013) với số tiền tương ứng 36.046.166.400 VND.
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 là 5% trên vốn điều lệ với số tiền tương ứng 20.025.648.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

- (2) Trong năm, Công ty đã tạm trích quỹ Dự phòng tài chính, Quỹ Khen thưởng phúc lợi và tặng vốn khác của chủ sở hữu từ Lợi nhuận chưa phân phối theo Điều lệ Công ty và sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt chính thức trong kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông tới.
- (3) Tặng vốn khác trong năm là thể hiện giá trị tài sản cố định hữu hình và khoản hỗ trợ lãi vay Công ty nhận bàn giao, biếu tặng từ các cơ quan, đơn vị ngoài.

CỔ PHIẾU

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.551.296	41.551.296
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.051.296	40.051.296
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.500.000	1.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện năng. Trong năm, hoạt động sản xuất, kinh doanh khác tại đơn vị không trọng yếu; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh điện.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán điện	2.520.605.743.874	2.151.262.534.823
Doanh thu hoạt động cho thuê cột điện	8.153.813.624	8.940.141.083
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	143.571.874.743	71.865.759.070
<i>Xây lắp điện</i>	<i>115.640.297.155</i>	<i>50.001.166.844</i>
<i>Khảo sát, thiết kế công trình điện</i>	<i>2.280.245.597</i>	<i>1.616.771.285</i>
<i>Mắc dây, đặt điện</i>	<i>13.742.845.450</i>	<i>13.197.950.078</i>
<i>Sửa chữa, thí nghiệm điện</i>	<i>11.908.486.541</i>	<i>7.049.870.863</i>
Dịch vụ	4.156.606.507	3.349.667.435
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	6.446.106.216	6.294.124.827
	<u>2.682.934.144.964</u>	<u>2.241.712.227.238</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn bán điện (i)	2.347.854.187.615	1.993.527.212.833
Giá vốn hoạt động cho thuê cột điện	4.086.576.566	4.470.378.725
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	124.064.611.421	59.454.682.652
<i>Xây lắp điện</i>	103.605.271.078	42.719.732.491
<i>Khảo sát, thiết kế công trình điện</i>	1.203.222.791	773.653.087
<i>Mắc dây, đặt điện</i>	11.663.213.087	11.167.710.752
<i>Sửa chữa, thí nghiệm điện</i>	7.592.904.465	4.793.586.322
Dịch vụ	813.217.805	297.729.378
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	6.246.108.885	6.161.553.878
	2.483.064.702.292	2.063.911.557.466

- (i) Giá vốn bán điện chủ yếu là tiền mua điện thương phẩm theo đơn giá quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.697.326.208	108.602.305.579
Chi phí nhân công	212.725.960.442	179.568.424.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.018.762.279	108.023.055.548
Chi phí mua điện	2.046.249.183.747	1.701.264.591.545
Chi phí khác	107.253.539.493	113.305.183.666
	2.591.944.772.169	2.210.763.560.873

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tiền thu lãi cho vay	34.911.526.361	26.089.573.194
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.344.683.551	786.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.175.901.392	1.243.570.672
	40.432.111.304	28.119.143.866

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.935.708.241	9.430.574.684
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.569.284	70.591.382
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.013.550.069	1.090.559.186
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(4.209.230.476)
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.355.769.844	738.956.318
	12.353.597.438	7.121.451.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	4.880.226.486	4.564.278.789
Thu nhập từ quà biếu, quà tặng	3.693.193.338	377.809.024
Thu nhập khác	4.409.186.722	1.960.651.653
	12.982.606.546	6.902.739.466

27. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	2.984.098.802	825.824.686
Chi phí đi dời công trình điện phục vụ xây QL1A (i)	19.353.814.054	-
Chi phí khác	1.012.974.064	367.520.849
	23.350.886.920	1.193.345.535

- (i) Thể hiện chi phí đi dời hệ thống điện phục vụ mở rộng QL1A. Theo Văn bản số 7092/EVNPCP-KH+TCKT ngày 15 tháng 12 năm 2014, phần chi phí này không được Tập đoàn Điện lực Việt Nam hỗ trợ. Đến ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình làm việc với địa phương, tuy nhiên, trên cơ sở thận trọng, Công ty đã ghi nhận các chi phí đi dời này vào báo cáo tài chính năm hiện hành.

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	95.298.500.619	97.399.039.053
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.355.720.927)	(639.759.209)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khác	-	(18.010.228.694)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	18.557.634.433	14.577.398.660
Thu nhập chịu thuế	109.500.414.125	93.326.449.810
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25% (i)</i>	4.537.113.468	93.326.449.810
<i>Thu nhập chịu thuế suất 22%</i>	104.963.300.657	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.226.204.512	23.331.612.452
Điều chỉnh thuế năm trước	-	(58.305.212)
	24.226.204.512	23.273.307.240

- (i) Trong năm 2014, Kiểm toán Nhà nước đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty. Các thay đổi sau kết quả kiểm toán nhà nước được Công ty điều chỉnh vào báo cáo tài chính năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% phản ánh phần lợi nhuận năm 2013 tăng thêm sau điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước theo văn bản ngày 18 tháng 8 năm 2014, dẫn tới số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng lên tương ứng là 1.134.278.367 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.072.296.107	71.888.964.324
<i>Lợi nhuận từ tài sản nhận bàn giao</i>	<i>(3.273.167.772)</i>	<i>(1.144.096.518)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	67.799.128.335	70.744.867.806
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.051.296	40.051.296
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.693	1.766

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT ĐẦU TƯ

- Theo Nghị quyết số 34/NQ-ĐLKH-HĐQT ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Hội đồng Quản trị về việc nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 với số cổ phần là 475.000 cổ phần, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chồ là 56,875% vốn điều lệ (tương đương 22.750.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số vốn Công ty đã góp là 9.787.630.000 VND.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 120/NQ-ĐLKH-HĐQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 với số tiền 12 tỷ VND, tương ứng 2% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số vốn Công ty đã góp là 9.975.000.000 VND.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	357.736.909.920	275.318.502.106
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	161.054.989.482	220.557.579.824
Nợ thuần	196.681.920.438	54.760.922.282
Vốn chủ sở hữu	552.021.428.707	547.254.490.335
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,36	0,10

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	161.054.989.482	220.557.579.824
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.212.173.842	35.964.673.278
Đầu tư ngắn hạn	377.657.255.556	232.008.929.500
Đầu tư dài hạn	52.554.090.565	28.904.748.898
Tổng cộng	628.478.509.445	517.435.931.500
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	357.736.909.920	275.318.502.106
Phải trả người bán và phải trả khác	253.921.548.424	226.854.521.532
Chi phí phải trả	21.319.352.466	22.540.466.737
Tổng cộng	632.977.810.810	524.713.490.375

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đô la Mỹ (USD)	73.456.764.736	81.377.743.057	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	(734.567.647)	(813.777.431)
<i>Quản lý rủi ro lãi suất</i>		

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Sau 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	161.054.989.482	-	161.054.989.482
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.212.173.842	-	37.212.173.842
Đầu tư ngắn hạn	377.657.255.556	-	377.657.255.556
Đầu tư dài hạn	-	52.554.090.565	52.554.090.565
Tổng	575.924.418.880	52.554.090.565	628.478.509.445
Tại ngày 31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	253.921.548.424	-	253.921.548.424
Các khoản vay	128.545.396.793	229.191.513.127	357.736.909.920
Chi phí phải trả	21.319.352.466	-	21.319.352.466
Tổng	403.786.297.683	229.191.513.127	632.977.810.810
Chênh lệch thanh khoản thuần	172.138.121.197	(176.637.422.562)	(4.499.301.365)
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	220.557.579.824	-	220.557.579.824
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.964.673.278	-	35.964.673.278
Đầu tư ngắn hạn	232.008.929.500	-	232.008.929.500
Đầu tư dài hạn	-	28.904.748.898	28.904.748.898
Tổng	488.531.182.602	28.904.748.898	517.435.931.500
Tại ngày 31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	226.854.521.532	-	226.854.521.532
Các khoản vay	52.005.268.236	223.313.233.870	275.318.502.106
Chi phí phải trả	22.540.466.737	-	22.540.466.737
Tổng	301.400.256.505	223.313.233.870	524.713.490.375
Chênh lệch thanh khoản thuần	187.130.926.097	(194.408.484.972)	(7.277.558.875)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
 Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa

Mối quan hệ

Công ty mẹ của chủ sở hữu
 Chủ sở hữu
 Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Trả gốc vay	3.856.868.524	5.607.907.576
Trả lãi vay	718.094.211	1.316.769.786
Phải trả khác	-	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Mua điện thương phẩm	2.025.127.951.642	1.686.346.501.735
Chia cổ tức	29.975.997.800	29.975.997.800
Trả gốc vay	8.919.716.224	2.869.387.378
Trả lãi vay	1.766.322.753	2.446.492.820
Khác	-	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Khánh Hòa		
Mua vật tư	9.309.460.957	11.126.640.953
Thu nhập thanh toán cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.772.769.578	3.206.181.290

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Lãi vay phải trả	254.932.505	468.353.176
Gốc vay phải trả	28.693.402.462	33.992.027.971
Phải trả khác	2.255.438.755	1.939.643.717
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Tiền mua điện thương phẩm phải trả	174.163.544.613	132.807.621.526
Gốc vay phải trả	45.237.456.175	53.446.812.966
Gốc nợ phải trả	18.663.405.103	18.663.405.103
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa		
Phải thu từ bán tài sản cố định	157.242.014	737.000.000
Phải trả mua vật tư	748.976.250	206.896.992

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phan Thị Vân Hà

Trần Thị Triều Linh

Nguyễn Cao Kỳ



Xác nhận của tổ chức phát hành

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 04 năm 2015

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC
KHÁNH HÒA
Nguyễn Cao Kỳ